

KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ  
THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT  
TU HÀNH NGHI QUỸ  
\_QUYỂN THƯỢNG\_

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty\_ Đặc Tiến Thí HỒNG Lô Khanh\_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ\_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí\_ Chùa Đại Hưng Thiện\_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Ta y theo Kinh **Du Già Kim Cương Đỉnh** nói về Pháp tu hành bí mật thuộc Thân, Khẩu, Ý Kim Cương của **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát** (Sahasra-bhùja- sahasra-netre-avalokite'svara-bodhisatva) trong **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulàya)

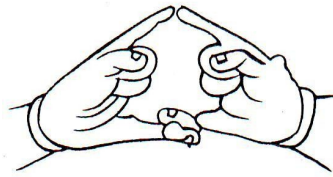
Hành Giả nên theo vị **A Xà Lê Du Già** (Ygoa-àcàrye) cầu nhận **Luật Nghi Giới** của **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), vào **Đại Mạn Trà La** (Maha-maṇḍala) nhận **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka), trụ nơi **Thắng Giải Hạnh Địa**, xả bỏ thân mệnh tiền của, dũng mãnh tinh tiến, mang Tâm Bi Mẫn, chẳng chán sinh tử, quyết định cầu chứng **Thân Phổ Hiền Bồ Tát**, phụng thờ chư Phật, vui tu **Thắng Nghĩa Bát Nhã Ba La Mật**, đầy đủ Từ Bi Hỉ Xả, làm lợi ích cho chúng Hữu Tình.

Hoặc ở nơi nhàn tĩnh, Thắng Địa trong núi. Hoặc ở chốn **Già Lam** (Saṃghàràma) thanh tịnh, với trước **Tháp Xá Lợi** ('Sarira-stùpa)...sửa soạn Tịnh Thất, xoa tô **Đàn Trường** (Maṇḍala) chung quanh treo phan, bên trên bày cái lọng che. Ở mặt Tây của Đàn, đặt tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát. Người trì tụng ở mặt Đông của Đàn đối diện với Tượng, rải cỏ tranh làm chỗ ngồi hoặc ngồi trên cái phản nhỏ thấp. Trên Đàn chia bày Mạn Trà La, bày hàng các Thánh Vị (vị trí của Chư Thánh), đặt hai cái bình **Át Già** (Argha) chứa đầy nước thơm, ở bốn góc Đàn đặt bốn cái bình báu. Mỗi ngày lấy mọi thứ hoa mùa rải lên trên Đàn. Đem hương đốt, hương xoa (dầu thơm), đèn sáng, thức ăn uống với các quả trái... gia trì rồi chia bày bốn bên để cúng dường.

Mỗi khi vào Đạo trường đều chân thành làm lễ, bày tỏ Sám hối, Tuỳ hỷ, Tinh Tiến, Hồi hướng, Phát nguyện. Liên vận tâm quán tưởng tất cả Như Lai tràn đầy khắp hư không với đầy đủ các tướng tốt đẹp đều nhập vào **Pháp Giới Định** (Dharma-dhātu-samàdhi)

Lại quán thân của mình trụ ở trong Hải Hội của Phật. Liên kết **Cảnh Giác Nhất Thiết Như Lai Ấn**. Hai tay đều nắm Kim Cương quyền, Đàn Tuệ (2 ngón út)

cùng móc nhau, duỗi thẳng 2 độ Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng đỡ nghiêng. Tụng Chân ngôn dâng Ấn ba lần.



Chân ngôn là:

**“Ấn, phộc nhật-lỗ, để sắt-xá”**

ॐ वज्र (मृ ॐ ॐ

\*) OM \_ VAJRA TIṢṬA \_ HÙM

Do kết Ấn này tụng Cảnh Giác Chân ngôn thì tất cả Như Lai đều từ Định xuất ra. Người Du Già nên tác suy tư này, khải cáo với chư Phật rằng: *“Thân con ít Phước ít Tuệ, bị đắm chìm nơi biển khổ. Nay nương nhờ vào sức uy thần của chư Phật. Nguyên xin chư Phật đừng bỏ bản nguyện Đại Bi. Hãy rủ lòng Từ Bi xót thương, quan sát hộ niệm mà cứu vớt con”.*

Tất cả Như Lai ấy đều dùng Thần lực gia trì hộ niệm. Người tu Du Già được vô lượng Phước, thân tâm tự tại.

\_ Tiếp, nên lễ Như Lai ở bốn phương để thỉnh cầu gia hộ. Trước tiên lễ tất cả Như Lai thuộc hàng **A Súc Như Lai** (Akṣobhya-tathàgata) ở phương Đông. Người tu Du Già liền cúi toàn thân sát đất, kết **Kim Cương Hợp Chưởng** đưa dài lên đỉnh đầu, để trái tim sát đất, chí thành kính lễ.



Chân Ngôn là:

**“Ấn, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) bố nho bả sa-tha năng dạ da-ma nam (2) nãnh lý-dã đa, dạ minh (3) tát phộc đát tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la tát đát phộc địa sắt-xá, sa-phộc hàm (5) hồng”**

ॐ म ह ग ए ऎ ऋ ॠ पू ऋ ॠ ए ॠ अ म ह ग ए ऎ ऋ ॠ ॠ म ह ग ए ऎ ऋ ॠ ॠ ॐ

\*) OM - SARVA TATHÀGATA PÙJA PASVANÀYA ATMÀNÀM NIRYÀTA YÀMI - SARVA TATHÀGATA VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVÀMAM- HÙM

Do kết **Xả Thân Ấn** với tụng Chân Ngôn phụng hiến cúng dường kính lễ, nên người tu Du Già do làm lễ này cho đến khi thành Phật thường được **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) gia trì khiến cho viên mãn Tâm Bồ Đề.

\_ Tiếp lễ tất cả Như Lai thuộc hàng **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-sambhava-tathàgata) ở phương Nam. Như trước duỗi thân sát đất, kết Kim Cương Hợp Chưởng đưa xuống ngang trái tim, cúi vâng trán sát đất, chí thành kính lễ.



Chân Ngôn là:

“**Ấn, tát phộc đất tha nghiệt đa (1) bố nhạ tị sái ca dạ đa-ma nam (2) nãnh lý-dã đa, dạ minh (3) tát phộc đất tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la, la đất-năng tỳ sản tả, sa-phộc hàm (5) đất-lạc**”

ॐ सङ्गं गच्छन्तं पूज्यं भूयः ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*) OM - SARVA TATHÀGATA PÙJA ABHIŞEKÀYA ATMÀNÀM NIRYÀTA YÀMI - SARVA TATHÀGATA VAJRA-RATNA ABHISIMCA SVÀMAM - TRÀḤ

Do kết Xả Thân Ấn với tụng Chân Ngôn phụng hiến cúng dường kính lễ, nên người tu Du Già cho đến khi thành **Phật Địa** (Buddha-bhùmi), trong Địa thường được **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Àka'sa-garbha-bodhisatva) trao cho quán đỉnh, viên mãn Phước Đức, đầy đủ các tướng tốt đẹp, thường làm **Pháp Vương** (Dharma-ràja) của ba cõi.

\_ Tiếp lễ tất cả Như Lai thuộc hàng **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitàyuḥ-tathàgata) ở phương Tây. Như trước kết Kim Cương Hợp Chưởng đặt trên đỉnh đầu, để miệng sát đất, chí thành kính lễ.



Chân Ngôn là:

“**Ấn, tát phộc đất tha nghiệt đa (1) bố nhạ bát-la miệt đất năng dạ đa-ma nam (2) nãnh lý-dã đa, dạ minh (3) tát phộc đất tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la đạt ma, bát-la miệt đất dã, sa-phộc hàm - hột-lợi**”

ॐ सङ्गं गच्छन्तं पूज्यं भूयः ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*) OM - SARVA TATHÀGATA PÙJA PRAVARTTANÀYA ATMÀNÀM NIRYÀTA YÀMI - SARVA TATHÀGATA VAJRA-DHARMA PRAVARTTÀYA SVÀMÀM - HRÌḤ

Do kết Xả Thân Ấn với tụng Chân Ngôn phụng hiến cúng dường lễ kính, cho đến khi thành Phật thường được **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokite'svara-bodhisatva) gia trì, đắc được Trí Tuệ viên mãn, chuyển **bánh xe Diệu Pháp** (Saddharma-cakra)

\_ Tiếp lễ tất cả Như Lai thuộc hàng **Bát Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathagata) ở phương Bắc. Như trước duỗi thân, kết Kim Cương Hợp Chưởng đặt ở trái tim, để đỉnh đầu sát đất, chí thành kính lễ.



Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đất tha nghiệt đa (1) bố nhạ yết ma nê, a đa-ma nam (2) nãnh lý-dã đa, dạ minh (3) tát phộc đất tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la yết ma củ lỗ, sa-phộc hàm (5) Ác**”

ॐ स त् प ह र ए त्त व ॐ स त् प ह र ए त्त व ॐ स त् प ह र ए त्त व ॐ स त् प ह र ए त्त व ॐ स त् प ह र ए त्त व ॐ

\*) OM - SARVA TATHAGATA PUJA KARMAṆI ATMÀNAM NIRYATA YAMI - SARVA TATHAGATA VAJRA- KARMA KURU SVAMAM - AH

Do kết Xả Thân Ấn với tụng Chân Ngôn phụng hiến cúng dường lễ kính, cho đến khi thành Phật thường được **Kim Cương Nghiệp Bồ Tát** (Vajra-karma-bodhisatva) gia trì. Ở Thế Giới của tất cả Phật, thành tựu nghiệp cúng dường rộng lớn.

\_ Sau đó, ngồi Kiết Già, chỉnh thân cho ngay ngắn rồi chính niệm, chẳng động các chi tiết, nhắm mắt, tĩnh lặng nhập vào Quán **bốn Tâm Vô Lượng Tâm** (Catvāry-apramāṇi). Liên kết **Định Ấn**



Thoạt tiên, nhập vào **Từ Vô Lượng Tâm Định**. Đem Tâm **thương lo trong sạch** (ân tịnh) duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách trong sáu nẻo đều đầy đủ **Như Lai Tạng** (Tathagata-garbha), sẵn có ba loại Thân Khẩu Ý Kim Cương. Dùng sức Công Đức tu **ba Mật** (Tri-guhya) của Ta, nguyện cho tất cả Hữu tình ngang đồng với **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva).

Quán như vậy xong, liên tụng **Đại Từ Tam Ma Địa Chân Ngôn** là:

“**An, ma hạ muội đất-la-dạ, sa-phả la**”

ॐ मन् मयिदा म् ।

\*) OM MAHÀ MAITRIYA SPHARA

\_ Tiếp nên nhập vào **Bi Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm **thương xót** (bi mẫn) duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách trong sáu nẻo, chìm đắm trong biển khổ sinh tử, chẳng tỏ ngộ được Tâm của mình, vọng sinh phân biệt, khởi mọi loại **Phiền Nã** (Kle'sa) và **Tùy Phiền Nã** (Upakle'sa). Chính vì thế cho nên chẳng đạt **Chân Như** (Bhùta-tathatà) bình đẳng như hư không siêu vượt hằng sa Công Đức. Dùng sức tu ba Mật gia trì của Ta, nguyện cho tất cả Hữu tình ngang đồng với **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Àkà'sa-garbha-bodhisatva).

Quán như vậy xong, liên tụng **Đại Bi Tam Ma Địa Chân Ngôn** là :

“**An, ma ha ca lỗ noa dạ, sa-phả la**”

ॐ मन् ऩे मयिदा म् ।

\*) OM – MAHÀ-KÀRUNAYA SPHARA

\_ Tiếp nên nhập vào **Hỷ Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm **thanh tịnh** duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách trong sáu nẻo, xưa nay thanh tịnh giống như sự trong sạch của Tự Tính **chẳng nhiễm bụi bên ngoài** (Khách Trần) của hoa sen. Dùng sức Công Đức tu ba Mật của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokite'svara-bodhisatva).

Quán như vậy xong, liên tụng **Đại Hỷ Tam Ma Địa Chân Ngôn** là :

“**An, thuật đà bát-la mô ná, sa-phả la**”

ॐ सुद्ध प्रमोदा म् ।

\*) OM – ‘SUDDHA PRAMODA SPHARA

\_ Tiếp nên nhập vào **Xả Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm **bình đẳng** duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách trong sáu nẻo. Đầu là **Ngã** (Àtman), **Ngã Sở** (Mama-kàra), là **Uẩn** (Skandha), **Giới** (Dhàtu), với là **Năng Thủ** (Gràhaka), **Sở Thủ** (Gràhya), bình đẳng nơi Pháp, Tâm vốn chẳng sinh, Tính Tướng đều trống rỗng (‘Sùnya:Không). Dùng sức Công Đức tu ba Mật của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Hư Không Khố Bồ Tát** (Gagana-garja-bodhisatva hay Àkà'sa-garja-bodhisatva).

Quán như vậy xong, liên tụng **Đại Xả Tam Ma Địa Chân Ngôn** là:

“**An, ma hộ bế khát-sái, sa-phả la**”

ॐ मन् उपेक्ष म् ।

\*) OM – MAHÀ UPEKṢA SPHARA.

Người Du Già do tu tập bốn Vô Lượng Tâm Định, tụng bốn Vô Lượng Tâm Chân Ngôn nên ở đời vị lai, hết thấy mọi loại chướng nạn, Ma Nghiệp của Người

Trời đều được trừ diệt. Trong thân gom chứa vô lượng nhóm Phước, Tâm được điều nhu, kham nhậm tự tại.

\_ Tiếp kết Ấn **Kim Cương Hợp Chưởng**. Hai tay, đem mười Độ (10 ngón tay), bên phải đè bên trái, trợ cài chéo nhau liền thành.



Chân Ngôn là:

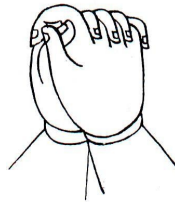
“**Án, phộc nhật-la, nhạ lý**”

ॐ वज्रजालि

\*) OM – VAJRÀMJALI

Do kết Ấn **Kim Cương Hợp Chưởng** sẽ mau được đầy đủ mười Ba La Mật và được mười món tự tại.

\_ Tiếp kết Ấn **Kim Cương Phộc**. Liền dùng Ấn trước đem mười Độ (10 ngón tay) cùng cài chéo nhau bên ngoài rồi nắm thành quyền, liền thành.



Chân Ngôn là:

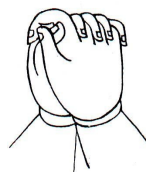
“**Án, phộc nhật-la mẫn đà**”

ॐ वज्रवन्ध

\*) OM – VAJRA BANDHA.

Do kết Ấn Kim Cương Phộc, người Du Già sẽ mau được mẫn túc **mười Địa** (Da'sa-bhùmi)

\_ Tiếp kết Ấn **Tôi Thập Chủng Chưởng** (đập nát 10 loại Chướng) **Kim Cương Phộc**. Như Kim Cương Phộc lúc trước, rồi đem Ấn kéo mở ba lần trên trái tim liền thành.



“**Án, phộc nhật-la mẫn đà, đát-la tra**”

ॐ वज्रवन्ध वज्र

\*) OM \_ VAJRA BANDHA TRÀT

Do kết Ấn này hay đập nát hết mười loại **Chướng Hoặc** trong Tâm, liền hiển hiện phát huy Thân Khẩu Ý Kim Cương.

\_ Tiếp kết Ấn **Kim Cương Biến Nhập**. Như Ấn Kim Cương Phộc lúc trước. Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào lòng bàn tay đều vịn Giới Phương (2 ngón vô danh) rồi đặt Ấn ở trên trái tim.



Chân Ngôn là:

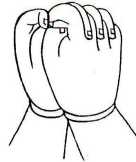
“An, phộc nhật-la phệ xá, ác”

ॐ वज्र फेर फेर

\*) OM – VAJRA ÀVI'SA AH

Do kết Ấn này thì ba Mật Kim Cương trong thân của người Du Già đều được thuận phục, gia trì chẳng mất.

\_ Tiếp kết Ấn **Kim Cương Quyền Tam Muội Gia**. Như Ấn Kim Cương Biến Nhập lúc trước. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ tại lưng Thiên Trí (2 ngón cái) liền thành.



Chân ngôn là:

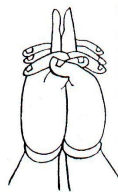
“An, phộc nhật-la mẫu sắt-trí, noan”

ॐ वज्र मुष्टि व

\*) OM VAJRA MUṢṬI VAM

Do kết Ấn **Kim Cương Quyền Tam Muội Gia** thì Thân Khẩu Ý Kim Cương hợp làm một Thể. Người tu Du Già mau được tất cả thành tựu.

\_ Tiếp kết Ấn **Tam Muội Gia**. Như Ấn Kim Cương Phộc lúc trước. Dựng thẳng Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) cùng hợp nhau liền thành. Tụng Chân Ngôn ba biến.



Chân Ngôn là:





trượng, bàn chân trái đạp lên **Tự Tại Thiên** (Mahe'svara), bàn chân phải đạp lên **Ô Ma Phi** (Uma – vợ của Tự Tại Thiên) như thế chữ Đinh (丁), toàn thân bốc lửa sáng rực như lửa của Kiếp Tai. Đây tức là **Thắng Thánh Giả Tam Ma Địa Quán**.

Người tu hành nên trụ Tâm Bồ Đề, khởi Bi Mẫn thâm sâu, diệt trừ chướng ngại của Người, Trời cả bên trong lẫn bên ngoài. Liền đem Ấn xoay theo bên trái ba vòng Tịch trừ chướng ngại rồi xoay theo bên phải ba vòng, lớn nhỏ tùy ý, kết làm **Phương Ngung Giới**. Liền ấn lên trái tim, vầng trán, cổ họng, đỉnh đầu đều tưng một biến rồi buông tán Ấn trên đỉnh đầu.

Do kết Ấn, tụng Chân Ngôn, trụ **Phẫn Nộ Tam Ma Địa** (Krodha-samàdhi) này thì hết thấy nghiệp chướng phiền não ở trong Thân Tâm, dùng lửa Tuệ mãnh lợi của Kim Cương thiêu đốt hết không còn sót.

\_ Tiếp, kết Ấn **Liên Hoa Tam Muội Gia**. Như Kim Cương Phộc lúc trước, đều dựng thẳng Đàn Tuệ (2 ngón út), Thiên Trí (2 ngón cái) hợp nhau rồi đặt ở trên miệng.



Tụng Chân Ngôn là:

“**An, phộc nhật-la bả ná-ma, tam ma gia, sa-dát-noan**”

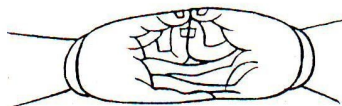
ॐ वज्रपाद्म समया श्रु

\*) OM - VAJRA-PADMA SAMAYA STVAM

Người Du Già tác suy tư này: “*Nay thân này của Ta ngang đồng với Quán Tự Tại Bồ Tát*”. Tưởng tay trái cầm hoa sen đặt ở trái tim, tay phải làm thế bóc mở hoa sen, trụ trong vành trăng tròn đầy, mỗi mỗi rõ ràng.

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn gia trì cho nên mau được thành tựu tất cả **Tam Ma Địa** (Samàdhi), tất cả **Phương Tiện Bát Nhã Ba La Mật Đa** (Upaya-pàramità).

\_ Tiếp kết Ấn **Tam Ma Địa**. Như Kim Cương Phộc lúc trước, ngửa lên trên Già phu (thế ngôi kiết già) co lông giữa của Tiến Lực (2 ngón trỏ) sao cho lưng ngón tựa nhau, dùng Thiên Trí (2 ngón cái) cùng trụ ở trên Tiến Lực (2 ngón trỏ).



Liền tụng Chân Ngôn là:

“**An, tam ma địa, bả ná-minh, hột-ly**”

ॐ समया पद्मे ह्री

\*) OM \_ SAMÀDHI PADME \_ HRÌH

Người Du Già chỉnh thân ngay ngắn, ngồi thẳng, an nhiên chẳng động. Tưởng thân mình ở trong Hải hội của tất cả Như Lai. Quán mỗi một thân Phật nhỏ nhiệm giống như hạt mè, có đầy đủ tướng tốt đẹp, mỗi mỗi thật rõ ràng. Liên nhập vào **Quán Tự Tại Bồ Tát Quán Trí**

Tác suy tư này: *“Tất cả Pháp xưa nay vốn thanh tịnh, Ta cũng thanh tịnh. Ở trong thế gian, Tham ái được thanh tịnh thì sự giận dữ cũng thanh tịnh. Ở trong thế gian, tất cả Trần cấu (bụi dơ) được thanh tịnh ắt các tội cũng thanh tịnh. Do ở thế gian, tất cả Pháp được thanh tịnh nên tất cả Hữu tình cũng thanh tịnh. Ở thế gian, **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña pàramita) được thanh tịnh ắt **Tát Bà Nhã** (Sarva jña – Nhất Thiết Trí) cũng thanh tịnh”*.

\_ Người Du Già tác Quán này xong thì Thân Tâm đột nhiên thanh tịnh.

Liên tụng **Thông Đạt Tâm Chân Ngôn** là:

**“An, tức đa, bát-la để phệ đặng ca lỗ nhĩ”**

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*) OM \_ CITTA PRATIVEDHAM KARA-UMI

\_ Người Du Già tụng không có hạn số sẽ chứng **hai Vô Ngã** (Nhân Vô Ngã, Pháp Vô Ngã), hiển hiện Như Lai Tạng, chứng Tâm Bồ Đề viên mãn.

Liên tụng **Bồ Đề Tâm Chân Ngôn** là:

**“An, mao địa tức đa, mẫu đa-ba ná, dạ nhĩ”**

ॐ ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*) OM \_ BODHICITTAM-UTPÀDA YÀMI

\_ Liên nhắm mắt, lắng tâm, quán ngay trong lồng ngực của thân mình có vành trăng tròn trắng tinh khiết trong sạch. Một lòng chuyên chú chẳng duyên theo việc khác. Ở trên Viên Minh (vành sáng tròn) tưởng có một hoa sen tám cánh, Ở trong Thai của hoa sen quán chữ **Hột-Lý** (ॐ - HRÌH) như màu pha lê hồng.

Liên tụng **Gia Trì Liên Hoa Chân Ngôn** là:

**“An, để sắt-xá, bả ná-ma”**

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*) OM \_ TIṢṬA PADMA

\_ Tưởng hoa sen ấy lớn dần cho đến khi tràn đầy khắp cả: Tiểu Thiên Thế giới, Trung Thiên Thế giới và Đại Thiên Thế giới. Bông hoa đó có đủ ánh sáng lớn chiếu diệu chúng sinh trong sáu nẻo, diệt trừ tất cả khổ não làm cho họ được được an lạc vui tươi.

Liên tụng **Dẫn Liên Hoa Chân Ngôn** là:

**“An, sa-phả la, bả ná-ma”**

ॐ ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*) OM \_ SPHARA PADMA

\_ Lại tưởng hoa sen đó thu nhỏ dần dần cho đến khi bằng thân của mình.  
Liên tụng **Liễm Liên Hoa Chân Ngôn** là:

**“An, tăng hạ la, bả ná-ma”**

ॐ ह्रिं ह्रीं ॐ

\*) OM \_ SAMHARA PADMA

\_ Lại tưởng tất cả Như Lai trong hư không nhập vào trong hoa sen này hợp làm một Thể. Hoa sen đó biến thành Quán Tự Tại Bồ Tát có thân màu pha lê hồng, ngồi trên đài hoa sen, đầu đội mào báu, trong mào có một vị Hóa Phật, mỗi mỗi thật rõ ràng.

Dùng Tâm quyết định, quán như vậy xong, liên tụng **Tự Thân Thành Bản Tôn Du Già Chân Ngôn** là:

**“An, phộc nhật-la đạt mô hàm”**

ॐ वज्रधर्म उहं

\*) OM \_ VAJRA-DHARMA-UHAM

Do tụng Chân Ngôn này gia trì cho nên thân của người Du Già tương đồng với Thân Bản Tôn không có sai khác.

\_ Tiếp, kết **Ấn Gia Trì**. Như Kim Cương Phộc lúc trước, hợp dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ) rồi hơi co lại, rồi hơi co lại như hoa sen. Kèm dựng Thiền Trí (2 ngón cái) liền thành.



Đem Ấn gia trì bốn nơi là: trái tim, vầng trán, cổ họng, đỉnh đầu... đều tụng một biến.

Chân Ngôn là:

**“An, phộc nhật-la đạt ma địa sắt-xá, sa-phộc hàm”**

ॐ वज्रधर्म(अष्ट) स्वामं

\*) OM \_ VAJRA-DHARMA ADHIṢṬA SVĀMAM

Do kết Ấn này gia trì cho nên người tu hành có Uy Đức tự tại, xa lìa các chướng nạn, mau được thành tựu Du Già của Bản Tôn.

\_ Tiếp kết **Ấn Phật Bảo Quan Quán Đỉnh**. Như Kim Cương Phộc lúc trước, dựng thẳng Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa), Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng dựa nhau như hoa sen. Đặt Ấn ở trên vầng trán, tụng Chân Ngôn ba biến.



Chân Ngôn là:

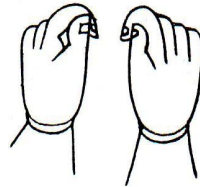
“**Án, đát tha nghiệt đa, đạt ma, hồng**”

ॐ ढदथनरदध ह्र

\*) OM \_ TATHAGATA-DHARMA HUM

Do kết Ấn này với tụng Chân ngôn sẽ được mào báu **quán đỉnh** của **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitayus-tathagata)

\_ Tiếp kết Ấn **Liên Hoa Man**. Hai tay đều nắm Liên Hoa Quyền đặt ngang vầng trán như cột buộc vòng hoa, cùng xoay ba vòng.



Liên chia hai tay vòng đến sau đỉnh đầu cũng xoay ba vòng rồi theo hai bên hạ xuống từ từ như thế rũ giải mũ. Bắt đầu từ độ Đan Tuệ (2 ngón út) thứ tự buông tán mười độ (10 ngón tay).

Tụng Chân ngôn là:

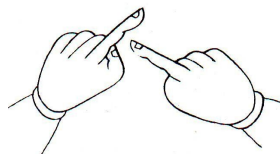
“**Án, bả ná-ma, ma lê, đạt ma, hột-ly, hàm**”

ॐ ढदध ढदध दध ह्र

\*) OM \_ PADMA-MALE DHARMA HRİH HUM

Do kết Liên Hoa Man Ấn sẽ được làm **Pháp Vương** (Dharma-ràja) trong **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulàya)

\_ Tiếp kết Ấn **Kim Cương Giáp Trụ**. Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền, duỗi thẳng Tiến Lực (2 ngón trỏ) ở 2 đầu ngón tương 2 chữ **ÁN CHÂM** [chữ **ÁN** (ॐ - OM) ở đầu ngón trỏ phải, chữ **CHÂM** (ॐ - TUM) ở đầu ngón trỏ trái].



Liên tụng **Bị Giáp Trụ Chân Ngôn** là:

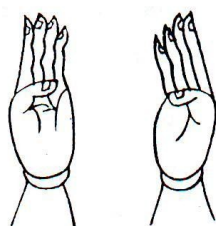
“**Án, phộc nhật-la, ca phộc tả, phộc nhật-ly củ lỗ, phộc nhật-la, phộc nhật-la, hàm**”

ॐ ढदध ढदध ढदध ढदध ढदध ह्र

\*) OM \_ VAJRA-KAVACE VAJRİ KURU \_ VAJRA VAJRA \_ HUM

Tùy tụng Chân Ngôn, đem hai độ Tiến Lực (2 ngón trỏ) bắt đầu trên trái tim cùng xoay ba vòng rồi chia ra đến phía sau lưng cũng cùng xoay. Tiếp đến rốn cũng cùng xoay. Tiếp quanh đầu gối phải lại đến sau lưng cũng cùng xoay. Tiếp đến sau eo rồi trở về trước trái tim. Tiếp xoay ở vai phải, tiếp xoay ở vai trái, tiếp đến cổ họng, lại đến sau cổ rồi lại lên trước trán rồi đến sau ót. Mỗi chỗ đều xoay ba vòng. Như trước từ từ hạ xuống hai bên như thế rũ giải mũ, từ Độ Đàn Tuệ (2 ngón út) buông rải theo thứ tự mười Độ (10 ngón tay).

\_ Liên dùng hai tay xoay chuyển Quyển như múa đến khi ngang trái tim, vỗ lòng bàn tay ba lần.



Liên tụng **Phách Chướng Chân Ngôn** là:

“**An, bả ná-ma, đố sử-dã, hộc**”

ॐ षड् वृष्य ङ

\*) OM \_ PADMA TUṢYA HOH

Do kết **Kim Cương Giáp Trụ Ấn** cho đến khi thành Phật, ở tất cả nơi chốn, tất cả đời thường mặc Giáp Trụ **Đại Từ Kim Cương** để trang nghiêm Thân Tâm, cầu Tất Địa Thế Gian và Xuất Thế Gian đều mau chóng thành tựu, các chướng, Tỳ Na Dạ Ca (Vinayaka) ở bên trong và bên ngoài chẳng có thể xâm nhiễu được.

Do tụng **Chân Ngôn Kim Cương Phách Chướng** nên tất cả Thánh Chúng thấy đều vui vẻ.

\_ Tiếp ở trong khoảng hư không ở phương dưới, tướng chữ **HÂM** (𑖇 - Ham) màu đen huyền đậm, lớn dần dần thành **Đại Phong Luân**.

Ở trên Phong Luân tướng chữ **NOAN** (𑖇 - Vam) màu trắng dần dần to lên cùng tương xứng với Phong Luân biến thành **Thủy Luân**.

Ở trên Thủy Luân, tướng chữ **BÁT-LA** (𑖇 - Pra) màu vàng rờng xứng với Thủy Luân, thành con rùa màu vàng.

Ở trên lưng con rùa, tướng chữ **TỔ** (𑖇 - Su) biến thành núi **Diệu Cao** (Sumeru – Núi Tu Di) được tạo thành bởi bốn báu.

Lại tướng chữ **KIẾM** (𑖇 - Kam) biến thành ngọn núi vàng có bảy lớp vây quanh.

Liên ở trong khoảng hư không bên trên núi Diệu Cao, tướng Đức Phật Tỳ Lô Giá Na (Vairocana Buddha). Từ mọi lỗ chân lông trên khắp thân của Ngài tuôn ra

mưa sữa thơm, rưới lên bảy dãy núi thành biển sữa chứa nước thơm có tám Công Đức.

Ở trên đỉnh núi Diệu Cao, tưởng có hoa sen lớn tám cánh. Ở trên hoa sen có tám cây trụ Kim Cương lớn, tạo thành lầu gác báu.

Ở trong Thai của hoa sen, tưởng chữ HỘT-LÝ (𑖦-Hrìḥ). Từ chữ này tuôn ra ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả Thế Giới của Phật, hết thấy chúng sinh đang chịu khổ não được ánh sáng ấy soi chạm đến đều được giải thoát.

Ở trong ánh sáng lớn này phun vọt ra Đức **Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát** đầy đủ vô lượng tướng tốt đẹp, Uy Đức lừng lẫy. Mười vị **Ba La Mật Bồ Tát** vây quanh, tám vị **Cúng Dường Bồ Tát** đều trụ ở Bản vị.

Ở bốn góc của lầu gác báu có bốn vị Bồ Tát của nhóm: **Bạch Y** (Paṇḍara-vāsini), **Đại Bạch Y** (Mahā-Paṇḍara-vāsini), **Đa La** (Tārā), **Tỳ Câu Đề** (Bhṛkūṭi) cùng với vô lượng chúng trong Liên Hoa Bộ trước sau vây quanh, dùng tám Bộ của chư Thiên làm quyển thuộc.

Như vậy quán tưởng vô lượng Thánh chúng với Bản Tôn cho thật rõ ràng, đừng để quên mất thứ tự.

\_ Liên kết **Tài Phát Ý Chuyển Pháp Luân Bồ Tát Ấn**: Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền, Tiến Lực (2 ngón trỏ), Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng móc kết nhau



Liên tụng Chân Ngôn là:

**“An, phộc nhật-la chước cật-la, hồng, nhược, hồng, noan, hộc.”**

𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦

\*) OM – VAJRA-CAKRA HŪM – JAḤ HŪM VAṀ HOḤ

Liên đem Ấn đặt trên Đàn ở trước Thân, liền thành **Liên Hoa Bộ Thế Điều Phục Đại Man Trà La**.

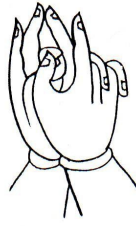
Đem Ấn an trên trái tim, tức Thân của mình thành **Đại Man Trà La**.

Đem Ấn chạm vào tượng Bản Tôn. Tượng ấy hoặc vẽ, hoặc đúc, hoặc tô đắp đều thành **Đại Man Trà La**.

Đem Ấn đặt trong hư không ở trước thân, tức khắp cả Giới Hư không thành **Đại Man Trà La**.

Người tu hành, giả sử có vượt Pháp, lầm mất ba Nghiệp, phá Tam Muội Gia Giới. Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn gia trì cho nên hay trừ bỏ các lỗi, đều được viên mãn.

\_ Tiếp kết Ấn **Phổ Thỉnh Cảnh Giác Nhất Thiết Thánh Chúng**. Như Kim Cương Phộc lúc trước, dựng thẳng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa), co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc câu, liền thành.



Người Du Già nên dùng Phạm Âm thanh nhã, tụng **Cảnh Giác Thánh Chúng Chân Ngôn** ba biến để cảnh giác Bản Tôn, mười vị Ba La Mật Bồ Tát và Thánh chúng trong Liên Hoa Bộ.

Chân Ngôn là:

- 1\_ A dạ tứ, thi già-lãm, tố nguyệt-đá, chỉ-nương phệ nga đa.
- 2\_ Nhất bát-la noa nhĩ đản đế, phộc la tát đát-phộc vị cật-la ma.
- 3\_ Ca lỗ tứ tát noan, phộc la ná, ma hạ ma la
- 4\_ A tán noa ca tát đát-phộc, vĩ thuật địa ca la ca
- 5\_ Đát đát-lệ nan đế, la diêm đế, la diêm
- 6\_ Vĩ la diêm, vĩ la diêm

7\_ A la la cật-ly bá ma dã, sa-phộc hạ

𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓

ÀYÀHI 'SÌGHRAM SUGATA-ÀJÑÀ VIGATA

𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓

PRANÀMINTANTE VARA SATVA VIKRAMÀ

𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓

KARO HI SARVAM VARADÀ MAHÀ-BALA

𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓

ACANḌAKA SATVA VI'SUDDHI KÀRAKA

𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓

TATRE DÀNTI RAYÀTI RAYAM

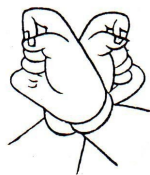
𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓

VIRAYAM VIRAYAM

𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓 𑖀𑖄𑖃𑖔𑖓

ARARÀ KRPA MAYA SVÀHÀ

Liên kết Ấn **Thiện Triệu Tập Phật Bồ Tát**. Liên phân chia Ấn trước, giao cánh tay trước ngực, bên phải đè bên trái. Dùng Nhãn Thiền (ngón giữa phải, ngón cái phải) Nguyệt Trí (ngón giữa trái, ngón cái trái) búng tay.



Liên tưởng tay trái nâng **Kim Cương Kiên Trĩ** (Vajra-gaṃṭa – cái chuông Kim Cương), tay phải cầm **chày Kim Cương Độc Cổ** đánh, tiếng vang thấu suốt

mười phương Thế Giới. Chư Phật, Bồ Tát, tất cả Thánh chúng nghe xong thấy đều tập hội ở trong Hư không trên Mạn Trà La.

Người Du già liền trụ vào **Quán Tự Tại Bồ Tát Tam Ma Địa**, liền tụng **Liên Hoa Bộ Nhất Bát Bách Danh Tán** (bài tán 108 tên của Liên Hoa Bộ), lễ khắp tất cả Thánh chúng.

Tụng Tán Thán là:

1\_ Nhạ dã đồ một-ly noa la hưởng khư nhạ tra kế xả ca la bả đà lãm  
2\_ Bát ná-ma phộc lãng nga duệ sắt-trí đất-la dã, mật đất-la, sa hạ sa-la bộ-trâm sa đá đa, na mặc sa cật-ly.

3\_ Đồ chuy vĩ nễ-dã đất la, nỉ phộc nga nam

4\_ A hạ ma phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la, ngu lam sa đa đan bát-la noa đa

5\_ Bá ná-ma la nga nĩnh ma lam

6\_ Ca ma la nga mẫu đáp hàm

7\_ Lộ ca năng tha, mạn đà minh

8\_ Tát phộc thuật đà tất-địa-dã tả

ॐ यत्तु मृगला शंखा जटाके सा कालपा धराम

JAYATU MRṆĀLA 'SAṆKHA JAṬA-KE'SA KALAPA DHARAM

पद्मवराङ्गा येष्वथ त्रयानेत्रा साहस्राभुजाम्

PADMA-VARĀṄGA YEṢṬHI TRAYA-NETRA SAHASRA-BHUJAM

SA-TATA NAMASKṚTVĀ

धुपे विद्याधारा देवगणम्

DHUPE VIDYA-DHĀRA DEVA-GAṆAM

अहमवलोकितेश्वरं कुरु मङ्गलं प्रणतः

AHAM AVALOKITE'SVARA KURUM SA-TATAṆ PRAṆATAḤ

पद्मरङ्गा निर्मलम्

PADMA-RĀGA NIRMALAM

कामरङ्गम उत्तमम्

KĀMA RĀGAM UTTAMAM

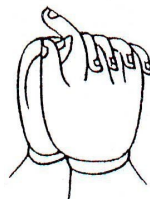
लोकान्ता बन्धा मे

LOKA-NĀTHA BANDHA ME

सर्वसुद्धसिद्धये

SARVA 'SUDDHA SIDDHYA CA

\_ Tiếp kết **Mã Đầu Minh Vương Câu Ấn**: Hai tay kết Kim Cương Phộc, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) [ngón trỏ phải] như móc câu, tụng Chân Ngôn ba biến.



Chân Ngôn là:



“An, hạ dã ngật-ly phộc (1) ma hạ bả ná-mãng củ xá (2) yết la-sái dã thí già-lam (3) tát phộc bả ná-ma củ la, tam ma diễm (4) bả ná-mãng củ xá, đà la (5) hồng, nhược (6)”

ॐ नद्यग्रीव मङ्कपद्मं शं कुशिकषय शिखं शिवं पद्मकुण्डं शिमयं पद्मं शं कुशिक ॐ ॐ

\*) OM - HAYAGRIVA MAHA PADMA AMKU'SA AKARŞAYA 'SIGHRAM - SARVA PADMA KULA SAMAYAM PADMA AMKU'SA DHARA - HUM JAH

Do kết Ấn này, thỉnh triệu thời tất cả Thánh chúng thầy đều tập hội.

\_ Tiếp kết Ấn **Bất Không Quyến Sách Bồ Tát**. Hai tay chấp Liên Hoa Hợp Chương, Tiến Lực (2 ngón trỏ), Thiền Trí (2 ngón cái) tác Kim Cương Phộc, đưa ngón cái phải vào trong hở khẩu của tay trái.



Liên tụng Chân Ngôn là:

“An, A mô già bả ná-ma bá xá (1) củ-lỗ đà yết la-sái dã (2) bát-la phệ xá dã (3) ma hạ bả du bả đễ (4) diễm ma, phộc lỗ noa, củ phệ la (5) một-la hámma, phệ sái đà la (6) bả ná-ma củ la, tam ma diễm (7) hồng, hồng (8)”

ॐ शिखं पद्मपद्मं क्रोधाकषयं प्रशियं मङ्कपद्मं यमं वरुणं कुबेरं ब्रह्मं वेसधारां पद्मकुण्डं शिमयं ॐ ॐ

\*) OM - AMOGHA-PADMA-PÀ'SA KRODHA AKARŞAYA - PRAVE'SÀYA, MAHA PÀ'SUPÀTI , YAMA , VARUNA, KUBERA, BRAHMA, VE'SADHÀRA - PADMA-KULA-SAMAYAM HUM HUM

Do kết Ấn này thì tất cả Thánh chúng đều thành **Dẫn Nhập Đại Mạn Trà La**.

\_ Tiếp kết Ấn **Liên Hoa Tỏa Bồ Tát**. Hai tay chấp Liên Hoa Hợp Chương, Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) tác Kim Cương Phộc đều vịn nhau như cái vòng.

Liên tụng Chân Ngôn là :

“An, bả ná-ma sa-bố tra, mẫn đà (1) tát phộc bả ná-ma củ la (2) tam ma dạ, xí-già-lam (3) hồng, noan (4)”

ॐ पद्मकुण्डं बंधं शिवं पद्मकुण्डं शिमयं शिखं ॐ ॐ

\*) OM - PADMA-SPHOTA BANDHA - SARVA PADMA-KULA-SAMAYAM 'SIGHRAM - HUM VAM.

Do kết Ấn này, tất cả Thánh Chúng dùng Bản Thệ **Đại Bi** ở trong Đạo Trường đều y theo Bản vị, trụ bền chắc chẳng tan.



“**Ấn, bả nã-ma, la tế, la nga dĩa (1) ma hạ nhĩ vĩ (2) la nga, bố nhạ, tam ma dĩa, hồng (3)**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*) OM – PADMA RÀTI RÀGAYA MAHÀ DEVI, RÀGA PÙJA SAMAYA HÙM.

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn cúng dường cho nên chẳng bao lâu đắc được **Như Lai Địa** (Tathàgata-bhùmi), trụ Pháp viên mãn **Hiện Pháp Lạc Trụ** (Dr̥ṣṭa-dharma-sukha-vihàra), chứng thành Vô Thượng Bồ Đề.

\_ Tiếp kết Ấn **Liên Hoa Man Bồ Tát**. Liên dùng Ấn trước, duỗi cánh tay hướng về phía trước cho ngang bằng với vầng trán của mình, vận tưởng từ trán tuôn ra vô lượng **Liên Hoa Man Bồ Tát** (Padma-màle-bodhisatva) cúng dường Bản Tôn với tất cả Thánh chúng.

**Liên Hoa Man Chân Ngôn là :**

“**Ấn, bả nã-ma ma lê (1) tị tru tả, tỳ sái ca (2) bố nhạ, tam ma dĩa, hồng (3)**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*) OM – PADMA MÀLE, ABHỊSIMCA ABHỊSEKA PÙJA SAMAYA HÙM

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn cúng dường cho nên mau được đầy đủ tướng tốt, sẽ làm Pháp Vương của ba cõi.

\_ Tiếp kết Ấn **Liên Hoa Ca Tán Bồ Tát**. Liên dùng Ấn trước, hạ xuống dưới ngang lỗ rốn, chắp tay Liên Hoa đưa dần dần lên đến miệng. Dem Ấn từ miệng hướng về phía trước, hạ tuôn chảy xuống dưới.

Tưởng từ miệng tuôn ra vô lượng **Liên Hoa Ca Tán Bồ Tát** (Padma-gìte-bodhisatva) cúng dường Bản Tôn với tất cả Thánh Chúng.

**Liên Hoa Ca Tán Chân Ngôn là :**

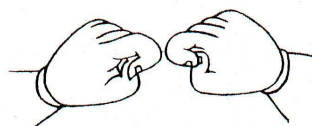
“**Ấn, bả nã-ma nghi đế (1) nga nã nghi đa (2) bố nhạ, tam ma duệ, hồng (3)**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*) OM – PADMA GÌTE, GÀTHA GÌTA, PÙJA SAMAYE HÙM

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn cúng dường cho nên chẳng bao lâu sẽ đủ 64 loại Phạm Âm, **bốn Vô Ngại Biện**, hay ở vô lượng Thế Giới chuyển bánh xe Đại Pháp.

\_ Tiếp kết Ấn **Liên Hoa Vũ Bồ Tát**. Hai tay đều nắm Liên Hoa Quyển.





\*) OM – PUṢPA PŪJA SAMAYE – PADMA-VÀSINI MAHÀ 'SRÌYE – PADMA-KULA PRATIHÀRE - SARVA ARTHA SÀDHAYA – HÙM

Do kết Ấn này, cúng dường cho nên đắc được **Bách Phước Trang Nghiêm Vô Biên Thọ Dụng Thân**.

\_ Tiếp kết Ấn **Liên Hoa Đẳng Chúc Bồ Tát**. Hai tay chắp Liên Hoa Hợp Chưởng, dựng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái).



Vận tưởng từ Ấn tuôn ra vô lượng ánh sáng của đèn MA NI chiếu khắp tất cả cõi Phật

**Liên Hoa Đẳng Chúc Chân Ngôn là :**

“An, nễ bả, bố nhạ, tam ma duệ (1) bả ná-ma cự la, tón ná lý (2) ma hạ nộ đễ-dã lộ kiên, tán nhạ năng dã (3) bả ná-ma tát la sa-phộc đễ, hồng (4)”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*) OM – DĪPA-PŪJA SAMAYE – PADMA KŪLA CAṄḌALI MAHÀ ANUṢYA ÀLOKA SAMJÑÀNAYA PADMA SÀRASVATI HÙM

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn cúng dường cho nên đắc được năm loại mắt Thanh Tịnh của Như Lai.

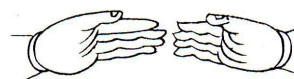
KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ  
THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT  
TU HÀNH NGHI QUỸ  
\_QUYỂN THƯỢNG (Hết)\_

**KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ**  
**THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT**  
**TU HÀNH NGHI QUỸ**  
**\_QUYỂN HẠ\_**

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty\_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh\_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ\_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí\_ Chùa Đại Hưng Thiện\_ Tam Tạng Sa Môn **BẤT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

\_ Tiếp kết Ấn **Liên Hoa Đờ Hương Bồ Tát**. Hai tay chấp *Liên Hoa Hợp Chưởng* để ngang trên ngực, chia tán như thế xoa hương



Tưởng từ Ấn tuôn ra biển mây hương xoa bôi (đờ hương) cúng dường khắp tất cả Như Lai Hải Hội.

Liên tụng **Liên Hoa Đờ Hương Chân Ngôn** là :

“**Ấn, hiến đà, bố nhạ, tam ma duệ (1) ma hạ bả ná-ma củ la (2) tế trí củ lỗ (3) tát phộc yết ma nê mê (4) bả ná-ma tất địa, Hồng (5)**”

ॐ ऎव पूरु समय मरु चरु कुल ऎवकुल मरु ककुल म चरु (ॐ ॐ

\*) OM – GANDHA PÙJA SAMAYE – MAHÀ PADMA KULA ‘SÀNTIM KURU – SARVA KARMAṆI ME PADMA SIDDHI HÙM.

Do kết Ấn này tụng Chân Ngôn cúng dường cho nên mau được năm phần Pháp Thân: Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến.

\_ Tiếp kết Ấn **Đàn Ba La Mật Bồ Tát**. Ngửa lòng bàn tay phải co độ Nhãn (Ngón giữa phải) cùng vịn Thiền độ (ngón cái phải), các ngón khác đều duỗi thẳng.



Liên tụng Chân Ngôn là :

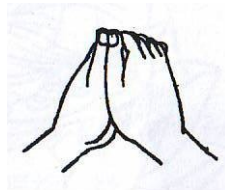
“**Ān, bà nga phộc đễ na nãng đỉa bả đễ, vĩ sa lật-nhạ, bố la đà dã ná, sa-phộc hạ** “

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*) OM\_ BHAGAVATE DĀNA ADHIPATI VISRJA PŪRAYA DĀNAM – SVĀHĀ

Do kết Ān, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp keo kiệt trong vô lượng Kiếp, đắc được Phước của ba loại Thí là: **Tư Sinh Thí, Vô Úy Thí, Pháp Thí..** tức viên mãn **Đàn Ba La Mật** (Dāna pāramitā). Đời này được giàu có, đầy đủ tư duyên, Tâm được tự tại, thọ mệnh lâu dài.

\_ Tiếp kết Ān **Giới Ba La Mật**. Hai tay cài chéo nhau bên trong, dựng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái)



Liên tụng Chân Ngôn là:

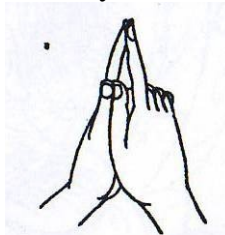
“**Ān, thi la, đà lý nê, bà nga phộc đễ, hồng, hác**”

ॐ श्रीलक्ष्मी नमो भगवते वासुदेवाय

\*) OM – ‘SĪLA-DHĀRIṆĪ BHAGAVATE HŪM HAḤ

Do kết Ān này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp phá Giới trong vô lượng Kiếp, được Công Đức của 3 loại Giới là: **Nhiếp Luật Nghi Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới, Nhiêu Ích Hữu Tình Giới..** tức viên mãn **Giới Ba La Mật** (‘Sīla-pāramitā) thường dùng hương Giới trang nghiêm nghiệp thân khẩu ý. Hết thấy việc vi phạm **bốn Trọng Cấm** (4 loại Cấm Giới rất nghiêm trọng của Tỳ Khưu), **Bật Sô** (Bhikṣu) **Bật Sô Ni** (Bhikṣuṇī) phạm tám **Tha Thắng Tội** (Ba La Di: tội nặng của Tỳ Khưu) thấy đều thanh tịnh, ngày sau tùy theo Nguyên được sinh về cõi cõi Phật Tịnh Diệu.

\_ Tiếp kết Ān **Nhẫn Nhục Ba La Mật Bồ Tát**. Dựa theo Giới Ba La Mật Ān, đem Tiến Lực (2 ngón trỏ) hợp nhau như cây kim, kèm đứng Thiên Trí (2 ngón cái).



Liên tụng Chân Ngôn là :

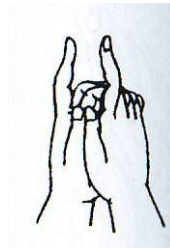
“**Ān, bà nga phộc đễ, khát-sạn đễ, đà lý nê, hồng, phát tra** “

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*) OM- BHAGAVATE KṢĀNTI-DHĀRĪNĪ HŪM PHAT

Do kết Ấn này tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp giận ghét trong vô lượng kiếp, đắc được Công Đức của ba loại Nhẫn là: **Hại Oán Nại Nhẫn, An Thọ Khổ Nhẫn, Để Sát Pháp Nhẫn**. Tức viên mãn **Nhẫn Nhục Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā). Nghi dung đoan nghiêm khiến người ưa nhìn, chẳng khởi ganh ghét, đều đến gần gũi phụ giúp, **Thắng Giải** (Adhimokṣa) thâm sâu, tùy niệm biến hóa.

\_ Tiếp kết Ấn **Tinh Tiến Ba La Mật**. Dựa theo Nhẫn Ba La Mật Ấn, mở bẻ Tiến Lực (2 ngón trỏ) liền thành.



Chân Ngôn là :

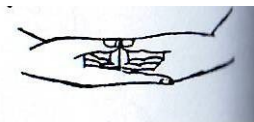
“**An, vĩ lý-dã, ca lý, hồng, vĩ lý-duệ, vĩ lý-duệ, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*) OM - VĪRYA KĀRI HŪM - VĪRYE VĪRYE - SVĀHĀ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp giải đãi, lười biếng, đắc được ba loại Tinh Tiến là: **Bị Giáp Tinh Tiến, Nhiếp Thiện Pháp Tinh Tiến, Lợi Lạc Hữu Tình Tinh Tiến**, tức viên mãn **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā) thân tâm an vui, xa lìa các bệnh tật, không có khổ não, đều được *thành biện* (thành công) Nguyên **Phước Trí** của **Xuất Thế Gian** (Lokottara)

\_ Tiếp kết Ấn **Thiền Ba La Mật Bồ Tát**. Liền ngồi Kiết Già, ngửa lòng bàn tay trái đặt trên Già Phụ, ngửa lòng bàn tay phải đặt trên tay trái, để hai độ Thiền Trí (2 ngón cái) cùng chạm móng nhau.



Liên tụng Chân Ngôn là:

“**An, bà nga phộc đế, tát phộc bá hạ lý nê, ma hạ nại đế-duệ, hồng, hồng, hồng, hồng, phát tra**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*) OM – BHAGAVATE – SARVA PĀPA AHĀRĪNĪYE MAHĀ-DETYE – HŪM, HŪM, HŪM, HŪM – PHAT

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp tán loạn trong vô lượng Kiếp, đắc được ba loại Tinh Lực là: **An Trụ Tĩnh Lực, Dẫn Phát Tĩnh**



**Lự, Biện Sự Tĩnh Lự**, tức viên mãn **Thiền Ba La Mật** (Dhyàna-pàramità). Thân tâm nhẹ nhàng lạnh lợi, mau được thành tựu Thần Thông đã tu, các Ma chẳng dám xâm nhiễu, tất cả nghiệp chướng thấy đều tiêu diệt.

\_ Tiếp kết Ấn **Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát**. Tay trái duỗi năm ngón bằng phẳng, ngửa đặt dưới trái tim, đem tay phải che ở trên tay trái.



Liên tụng Chân Ngôn là:

“**An, địa (1) thất-ly, du-lỗ đa, vĩ nhạ duệ, sa-phộc hạ**”

ॐ वीः श्रीं ह्रीं (१) शत-ली, दु-लु-दा, वि-न्या-दु-ए, सा-फु-क-हा

\*) OM - DHÌH - ‘SRÌ ‘SRÙTA VIJAYE - SVÀHÀ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp ngu si trong vô lượng Kiếp, đắc được ba loại Tuệ là: **Nhân Không Vô Phân Biệt Tuệ, Pháp Không Vô Phân Biệt Tuệ, Câu Không Vô Phân Biệt Tuệ**, tức viên mãn **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña-pàramità), đắc được thông minh Trí Tuệ, **ngộ giải** (lĩnh ngộ hiểu rõ) Pháp **Thế Gian** (Loka) và **Xuất Thế Gian** (Lokottara), thông đạt rộng rãi nghĩa lý thâm sâu của **năm Minh** [Pañca-vidyà-sthànani: gồm có **Thanh Minh** (‘Sabda-vidyà), **Công Xảo Minh** (‘Silpa-karma-vidyà), **Y Phương Minh** (Cikitsà-vidyà), **Nhân Minh** (Hetu-vidyà), **Nội Minh** (Adhyàtma-vidyà)]

\_ Tiếp kết Ấn **Phương Tiện Ba La Mật Bồ Tát**. Tay phải: Tuệ (ngón út) Phương (ngón vô danh) nắm Trí độ (ngón cái). Tay trái: Đàn (ngón út) Giới (ngón vô danh) nắm Thiền độ (ngón cái). Hai tay cùng nắm lại, Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) quay lưng lại với nhau, dựng thẳng như cây kim, duỗi bằng Tiến Lự (2 ngón trỏ) cùng trụ bên cạnh nhau.



Liên tụng Chân Ngôn là:

“**An, ma hạ mỗi đất-la, tức đế, sa-phộc hạ**”

ॐ म-हा-मै-त्रि-सु-त-ते-स्व-हा

\*) OM - MAHÀ-MAITRA-CITTE - SVÀ HÀ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống Nghiệp phương tiện không khéo léo trong vô lượng Kiếp, được hai loại Phương Tiện khéo léo là: **Hồi Hương Phương Tiện Thiện Xảo, Bạt Tế Hữu Tình Phương Tiện Thiện Xảo**, tức viên mãn **Phương Tiện Ba La Mật** (Upàya-pàramità). Tu trì sáu **Ba La Mật**

(Sad-pàramità) của **Thế Gian** (Loka). Do Ấn Chân Ngôn này tương ứng **Du Già** (Yoga) chỉ thực hiện chút ít công nghiệp sẽ mau được thành tựu Phước Đức rộng nhiều, đều đến **Cửu Cánh** (Uttara) thành **Tứ Lượng** (Sambhàra) của **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi).

\_ Tiếp kết Ấn **Nguyện Ba La Mật Bồ Tát**. Tay phải dựng thẳng năm ngón, đưa lòng bàn tay hướng ra ngoài làm thế Thí Vô Úy.



Liên tụng Chân Ngôn là:

“**An, ca lố nê, hạ hạ hạ, tảm**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*) OM – KÀRUṆI HA HA HA \_ SAM

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp **Nguyện ác** trong vô lượng kiếp, đắc được hai loại Thắng Nguyện là: **Cầu Vô Thượng Bồ Đề Nguyện, Lợi Lạc Hữu Tình Nguyện**, tức viên mãn **Nguyện Ba La Mật** (Pranidhàna-pàramità) từ lúc bắt đầu phát Tâm cho đến khi thành Phật, ở trong khoảng giữa ấy, mọi mong cầu Thế gian và Xuất Thế gian với Thượng Nguyện Thù Thắng đều được viên mãn.

\_ Tiếp kết Ấn **Lực Ba La Mật Bồ Tát**. Dựa theo Giới Ba La Mật Ấn lúc trước, đều dựng Thiên Trí (2 ngón cái) Tiến Lực (2 ngón trỏ) Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) sao cho cùng hợp đầu ngón.



Liên tụng Chân Ngôn là:

“**An, ná ma nãnh, mẩu nễ đế, hồng, hạ hạ hạ, hồng, nhược**”

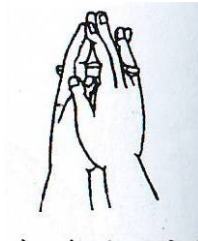
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*) OM – DAMANI MUDITE HÙM HA HA HA, HÙM JAḤ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp **ý kém cõi** của Thế Gian và Xuất Thế Gian trong vô lượng kiếp, đắc được hai loại Lực là: **Tư Trạch Lực, Tu Tập Lực**, tức viên mãn **Lực Ba La Mật** (Bàla-pàramità). Đối với các pháp đối trị, giáng phục các phiền não, cắt đứt các Hoặc Chướng. Lúc tu Đạo

thì quyết định **Thắng Giải** (Adhimokṣa), tất cả Thiên Ma bạn ác chẳng dám đời đổi, đắc được **bất thoái chuyển** (Avaiartika).

\_ Tiếp kết Ấn **Trí Ba La Mật Bồ Tát**. Hai tay cài chéo nhau bên ngoài rồi nắm quyền, dựng thẳng Đàn Tuệ (2 ngón út) trợ giao nhau chút ít, co đầu Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ tròn trịa, dựng thẳng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) sao cho đầu ngón hợp nhau.



Liên tụng Chân Ngôn là:

“An, ma ma chỉ nương nãi, ca lý, hồng, sa-phộc hạ”

ॐ मम नमो नमो नमो नमो नमो नमो नमो

\*) OM – MAMA JÑANA KÀRI HÙM\_ SVÀHÀ.

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống **Câu Sinh Ngã Chấp** và hạt giống **Câu Sinh Pháp Chấp** trong vô lượng Kiếp, đắc được hai loại Thọ Dụng Trí là: **Thọ Dụng Pháp Lạc Trí**, **Thành Tựu Hữu Tình Trí** [thiếu: *túc viên mãn Trí Ba La Mật* (Jñāna-pāramitā)]. Chặt đứt hai loại **Chướng** (Avaraṇa) là: **Phiền Não Chướng** (Kle'sàvaraṇa) và **Sở Tri Chướng** (Jñeyàvaraṇa). Chứng được tất cả các Pháp như Huyễn, như dợn nước dưới nắng (dương diệm), như mộng, như ảnh tượng, như tiếng vang (cốc hưởng), như quang ảnh, như bóng trăng dưới nước (thủy nguyệt), như biến hóa, như **Nhân Đà La võng** (Indra-jāla: lưới trời Đế Thích), như hư không ; chẳng bao lâu mãn túc **mười Địa** (Da'sa-bhūmi), trụ **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha-bhūmi) làm Đại pháp sư.

\_ Tiếp kết Ấn **Bạch Y Quán Tự Tại Bồ Tát**. Hai tay cài chéo các ngón bên trong rồi nắm quyền. Dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ) sao cho đầu ngón dính nhau tròn trịa, kèm dựng Thiền Trí (2 ngón cái).



Tụng Chân Ngôn là:

“Năng mô la đất-năng đất la dạ dã (1) ná mạc A lị-dã phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (2) mạo địa tát đất-phộc dã (3) ma ha tát đất-phộc dã (4) ma hạ ca lỗ ni ca dã (5) ná la-xả năng, sa-bát xả năng tỳ diễm phộc (6) thất-la phộc noa, sa-

ma la ni, năng phộc tả phộc noa (7) tát phộc tát đất-phộc nam (8) tát phộc nhĩ  
dã địa cát tha ca (9) đất nễ-dã tha (10) yết tai, vĩ yết tai, yết trướng yết tai (11)  
yết tra, vĩ yết tra, yết trướng yết tai (12) bà nga phộc đế, vĩ nhạ duệ, sa-phộc  
hạ ”

ॐ नमो रत्नत्रयाय  
ॐ नमो ऋष्यवलोकितेश्वर्याय बौद्धसत्त्वमयं महत्सत्त्वमयं महत् करुणकृतं  
दशकं सवृत्तं शिवशुभं वसुधैव कुटुम्बकम् ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
शुभं सुखं कृते (वकृते कृतकृते कृते वकृते कृतवकृते नमो वासुदेवाय  
सुखं

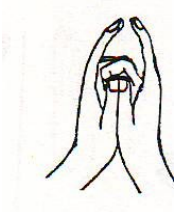
\*) NAMO RATNA-TRAYÀYA  
NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA MAHÀ  
SATVÀYA - MAHÀ KÀRUṆIKÀYA  
DÀR'SANA SAVR 'SANABHYA VASRAVAṆA SMARANE  
NAVACASYA VAṆA - SARVA SATVÀNÀM SARVA VYADHI  
CAHISAKA

TADYATHÀ: KAṬE VIKAṬE KANIKAṬE - KAṬA VIKAṬA  
KAVIKAṬE - BHAGAVATE VIJAYE - SVÀHÀ

Do kết Ấn này tụng Chân Ngôn 7 biến thì **Liên Hoa Bộ Mẫu Thánh Giả** gia  
trì cho nên các Ma, **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinayàka) chẳng có dịp thuận tiện hãm hại. Từ  
lúc mới làm **Tiên Hạnh** (pháp Hành trước tiên) cho đến lúc cầu Thành Tựu, thời  
niệm tụng biến số phụng hiến Tôn này, chưởng Trì (giữ trong lòng bàn tay). Giả sử  
khiến ra khỏi nơi niệm tụng hoặc sai lầm đánh mất ba Nghiệp, phá **Tam Muội Gia**  
**Giới**, hết thấy công khóa niệm tụng, định thêm vào Tiên Hạnh thành tựu số thì công  
chẳng hư bỏ, chế phục được Tất Địa.

Hoặc có kẻ ác vô cơ gây ra ách nạn. Tưởng người ấy ở ngay dưới bàn chân  
của người Du Già, tụng Chân Ngôn 21 biến thì hết thấy việc ách nạn thấy đều tiêu  
tan, cùng hưởng Tâm hiền lành (Từ Tâm) đến nhau, không thể gây chướng ngại.

\_ Tiếp kết Ấn **Đại Bạch Y Quán Tự Tại Bồ Tát**. Hai tay cài chéo các ngón  
bên trong, hợp dựng 2 độ Tiến Lực (2 ngón trỏ) hơi mở, kèm dựng Thiền Trí (2 ngón  
cái), liền thành.



Chân Ngôn là:  
“Năng mô la đất-năng đất-la dạ dã (1) ná mạc A lý-dã phộc lộ chỉ đế  
thấp-phộc la dã (2) mạo địa tát đất-phộc dã (3) ma hạ tát đất-phộc dã (4) ma hạ  
ca lỗ ni ca dã (5) đất nễ-dã tha (6) thấp-phệ đế (7) thấp-phệ đảng nghê (8)  
thấp-phệ đa bộ nhạ (9) thấp-phệ đa phộc tát-đất-lệ (10) thấp-phệ đa ma lệ (11)

la lãng cật-lị đế (12) nhạ duệ, vĩ nhạ duệ (130 A nhĩ đế, A ba la nhĩ đế (14) tát phộc tất đà ná mạc sa cật-lý đế (15) tứ lý, nhĩ lý, chỉ lý (16) nại la-xả dã, sa đà dã, sa-phộc hạ (17)”

ॐ नमो रत्नत्रयै  
 नमः शत्रुघ्नके गणेशाय नमः महासत्य महासत्य महा शत्रुघ्न नमः  
 नमः शत्रुघ्न नमः शत्रुघ्न नमः शत्रुघ्न नमः शत्रुघ्न नमः शत्रुघ्न नमः शत्रुघ्न नमः  
 य शत्रुघ्न नमः शत्रुघ्न नमः शत्रुघ्न नमः शत्रुघ्न नमः शत्रुघ्न नमः शत्रुघ्न नमः

\*) NAMO RATNATRAYAYA

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITE'SVARĀYA MAHĀ SATVĀYA, MAHĀ KĀRUṆIKĀYA

TADYATHĀ: ‘SVETE - ‘SVETĀMGE - ‘SVETA BHŪJA ‘SVETA VĀSTRA - ‘SVETA MĀHYA RALAM-KṚTE - JAYE VIJAYE APARAJITE - SARVA SIDDHA NAMAḤSKṚTE \_ HILI MILI KILI DAR’SĀYA SĀDHAYA - SVĀHĀ

Do kết Ấn này tụng Chân Ngôn ba biến thì nghiệp đen, mười nghiệp Bất Thiện đã gom chứa trong vô lượng kiếp thấy đều tiêu diệt. Tất cả Thiện phẩm, Pháp trắng, vô lậu, viên tịch đều được viên mãn.

Người Du Già tu trì Chân Ngôn đã lâu, đột nhiên sinh nghi hoặc, muốn biết việc Thiện Ác ngày sau, *thành hay chẳng thành*. Vào lúc muốn nằm ngủ, dùng áo che đầu, đưa tay phải xoa chuyển bên phải khuôn mặt, tụng **Đại Bạch Chân Ngôn** này 21 biến. Liền nằm nghiêng theo hông sườn phải, lìa các tư tưởng, chỉ quán niệm **Đại Bạch Quán Tự Tại Bồ Tát**. Ngủ rồi chỉ trong phút chốc liền mộng thấy người già hoặc thấy Quốc Vương Tịnh hạnh, hoặc thấy phụ nữ trẻ tuổi mặc áo trắng, hoặc thấy hoa quả, mọi loại việc Cát Tường thù thắng... sẽ biết ngày sau khắc chế, được thành tựu **Thắng Cát Tường**.

Nếu trong mộng thấy **Chiên Đà La** (Caṇḍāla: người hiểm ác, người chủ về giết hại), thân mặc quần áo rách nát dơ bẩn tệ hại. Hoặc thấy người nữ có hình dung xấu ác. Hoặc thấy vật chẳng tốt lành thì biết việc mong cầu chẳng thành, ắt có chướng ngại.

\_ Tiếp kết **Ấn Đa La Bồ Tát**. Dựa theo Đại Bạch Ấn lúc trước, để Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng hợp đầu ngón như cây kim, liền thành.



Chân Ngôn là:

“**Năng mô la đất-năng đất-la dạ dã (1) ná mạc a lý-dã (2) phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) mạo địa tát đất-phộc dã (4) ma hạ tát đất-phộc dã (5) ma hạ ca lỗ ni ca dã (6) đất nễ-dã tha (7) An, đá lệ (8) đốt đá lệ (9) đốt đốt lệ, sa-phộc hạ (10)**”

ॐ नमो रत्नत्रयै  
 ॐ नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै  
 नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै

\*) NAMO RATNA-TRAYÀYA

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA MAHÀ  
 SATVÀYA , MAHÀ KÀRUNIKÀYA

TADYATHÀ: OM TÀRE TUTTÀRE TURE - SVÀHÀ

Do kết Ấn này tụng Chân Ngôn ba biến, trợ cho sức của Bản Tôn khiến cho người tu Du Già đối với Hữu tình mau được thành tựu Đại Bi thâm sâu.

\_ Tiếp kết Ấn **Bí Cú Chi Bồ Tát**. Dựa theo Đa La Ấn lúc trước, hơi co Tiến Lực (2 ngón trở) như cánh sen, liền thành.



Chân Ngôn là:

“**Năng mạc tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ-du (1) la-hạt tỳ-dược, tam miệu tam mầu đệ tỳ-dược (2) An, bà dā, năng xả nãnh (3) đát-la tát nãnh đát-la sa dā, đát-la tế (4) Tỳ-lý củ chi, đát chi (5) phệ đát chi, phệ đát chi (6) phệ la chi, phệ la chi (7) thấp-phệ đế, nhạ trí nãnh, sa-phộc hạ (8)**”

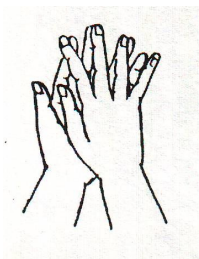
ॐ नमो सर्वतथागतैः नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै  
 ॐ नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै  
 ॐ नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै

↳ NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHYAḤ - ARHATEBHYAḤ  
 SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ

OM - BHAYA NA'SANI - TRÀSANI TRÀSAYA TRÀSE BHRKUTÌ  
 TAṬI VAITATI VAITANI - VAIRAṬI VAIRAṬI 'SVETE JAṬINI - SVÀHÀ

Do kết Ấn này tụng Chân Ngôn ba biến, đắc được Uy Đức tự tại, các nghiệp Ma chướng chẳng thể xâm nhiễu được.

\_ Tiếp kết **Bản Tôn Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Căn Bản Ấn**. Hai tay chắp Kim Cương Hợp Chưởng, đem 2 độ Nhãn Nguyện (2 ngón giữa) cùng hợp nhau, bốn độ Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) tách mở ra, đều dựng thẳng, liền thành.



Tụng Căn Bản Đà La Ni là:

- 1\_ Nãng mô la đát-nãng đát-la dạ đã
- 2\_ Ná mạc a lý-dã phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la đã
- 3\_ Mạo địa tát đát-phộc đã
- 4\_ Ma hạ tát đát-phộc đã
- 5\_ Ma hạ ca lố ni ca đã
- 6\_ Ma hạ vĩ la đã
- 7\_ Sa hạ sa-la khất-sái đã
- 8\_ Sa hạ sa-la thấp-lý sai đã
- 9\_ Sa hạ sa-la bá ná đã
- 10\_ Sa hạ sa-la nhĩ hạ-phộc đã
- 11\_ Sa hạ sa-la bộ nhạ đã
- 12\_ Ế tứ bà nga vẫn
- 13\_ A lị-dã phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la
- 14\_ Ổ ngật-la, A đễ-dữu ngật-la
- 15\_ Ma hạ ổ ngật-la
- 16\_ Ma hạ nãng na
- 17\_ Chỉ lý, chỉ lý, chỉ lý, chỉ lý
- 18\_ Nhĩ lý, nhĩ lý, nhĩ lý, nhĩ lý
- 19\_ Tức lý, tức lý, tức lý, tức lý
- 20\_ Nãng trụ, nãng trụ, nãng trụ
- 21\_ Cật-la sa, cật-la sa, cật-la sa, cật-la sa
- 22\_ Củ lố, củ lố, củ lố, củ lố
- 23\_ Ê hế tứ
- 24\_ Ma hạ vĩ la
- 25\_ Ma lãn ná ná
- 26\_ Vĩ lý-diễn ná ná
- 27\_ Tát phộc ca hàm mính, bát-la duệ tha
- 28\_ Thí già-lam phộc xiêm mính
- 29\_ La sắt-tra, la sắt-lưu, sa la nhạ cạnh, củ lố
- 30\_ Sa hạ sa-la bộ nhạ
- 31\_ Sa hạ sa-la vĩ la
- 32\_ Lộ kế thấp-phộc la, sa đà đã
- 33\_ Sa ná tát trẫm, mính bà phộc
- 34\_ Phộc la nỗ bà phộc
- 35\_ A ngu-lố bà phộc nhĩ
- 36\_ An, nãng mô tốt-đổ-ba đế, bà nga vẫn
- 37\_ A lý-dã phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la
- 38\_ Bát-la một địa-dã, bát-la tỷ ná hàm
- 39\_ Phộc la nỗ ma ma
- 40\_ Bà phộc tứ, sa-phộc hạ

नमः । वृक्षय  
 नमः शृष्टवृक्षे गव्याय वामदेव्य मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय  
 मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय  
 सुसुसुसु  
 ॐ नमः शृष्टवृक्षे गव्याय  
 उग्र मग्रे उग्र मन्मदेय मन्मदेय  
 किलि किलि किलि किलि  
 मिलि मिलि मिलि मिलि  
 किलि किलि किलि किलि  
 ननु ननु ननु ननु  
 क्रसा क्रसा क्रसा क्रसा  
 कुरु कुरु कुरु कुरु  
 ॐ नमः शृष्टवृक्षे गव्याय वामदेव्य मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय  
 मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय  
 वामदेव्य मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय  
 वामदेव्य मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय  
 ॐ नमः शृष्टवृक्षे गव्याय वामदेव्य मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय  
 मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय मन्मदेय

\*) NAMO RATNA-TRAYÀYA  
 NAMAH ÀRYA AVALOKITE'SVÀRÀYA BODHISATVÀYA MAHÀ  
 SATVÀYA, MAHÀ KÀRUᅇIKÀYA  
 MAHÀ VÌRÀYA, SAHASRA AKᅆÀYA, SAHASRA 'SIRᅆÀYA ,  
 SAHASRA PADÀYA, SAHASRA JIHVÀYA, SAHASRA BHUJÀYA  
 EHI BHAGAVAN ÀRYA AVALOKITE'SVARA  
 UGRA, STYA UGRA , MAHÀ UGRA , MAHÀ NÀDA  
 KILI KILI KILI KILI  
 MILI MILI MILI MILLI  
 CILI CILI CILI CILI  
 NAᅆU NAᅆU NAᅆU NAᅆU  
 KRASA KRASA KRASA KRASA  
 KURU KURU KURU KURU  
 EHYEHI MAHÀ VÌRA – VARAMᅇ DADA, VÌRYAMᅇ DADA – SARVA  
 KÀMAMᅇ ME PRAYACCHA  
 'SÌGHRAMᅇ VA'SAMᅇ ME RÀᅆᅆRA - SARÀJAKAMᅇ KURU -  
 SAHASRA BHUJA, SAHASRA VÌRA, LOKE'SVARA SÀDHAYA - SADÀ  
 SIDDHIMᅇ ME BHAVA  
 DHARA DO BHAVA , AGROBHAVA MI  
 OM - NAMO STUTE - BHAGAVAN ÀRYA AVALOKITE'SVARA -  
 PRAPUᅇNYA PRASÌDAMAMᅇ VARADOMAMA BHAVA MI - SVÀHÀ

Tụng Đà La Ni này bảy biến xong, rồi bung tán Ấn trên đỉnh đầu.  
 Do kết Căn Bản Ấn, tụng Đà La Ni này, hay làm bốn loại việc thành tựu. Một  
 là Tức tai, hai là Tăng Ích, ba là Giảng Phục, bốn là Kính Ái Câu Triệu. Hết thấy hy  
 vọng, quả báo thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, đều được mãn nguyện.



Trong Bản Giáo đã chẳng nói **Pháp thành tựu** thì dùng Pháp trong Liên Hoa Bộ đối trước Tượng làm, đều được thành tựu.

\_ Tiếp kết Ấn **Gia trì Niệm Châu**. Liền lấy tràng hạt bằng hạt sen (Liên Tử Niệm Châu) để trong lòng bàn tay

Chấp hai tay lại để ngang trái tim, tụng **Tịnh Châu Chân Ngôn**, gia trì bảy biến.

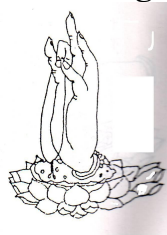
Chân ngôn là:

**“An, vĩ lô tả năng, ma la, sa-phộc hạ”**

ॐ वी लो त्ता नं ग म ल सा फ ल ह ञ

\*) OM \_ VAIROCANA MÀLA - SVÀHÀ

\_ Liền nâng tràng hạt đội trên đỉnh đầu. Sau đó dùng tay trái: hai độ Thiên (ngón cái) Giới (ngón vô danh) vịn châu. Tay phải: hai độ Trí (ngón cái) Phương (ngón vô danh) vịn châu, sáu Độ còn lại dựng thẳng ngang trái tim, cách nhau khoảng 2, 3 phân. Dùng **Thiên Chuyển Chân Ngôn**, gia trì bảy biến.



Chân Ngôn là:

**“An, phộc nhật-la ngục tứ-dã, nhạ bả, tam ma duệ, hồng”**

ॐ व ज्ञ गु ह्य ऋ य म म य ह ञ

\*) OM – VAJRA-GUHYA JÀPA SAMAYE HÙM

Liền đem hai tay đều chụm năm ngón tay như hoa sen chưa nở. Dùng hai độ Trí (ngón cái trái) Phương (ngón vô danh trái) dờ hạt châu, tụng **Thiên Thủ Thiên Nhân Đà La Ni** một biến cho đến chữ **sa-phộc hạ** (Svànhà) vừa dứt tiếng thì dờ một hạt châu.

Như vậy niệm tụng chẳng chậm chẳng gấp, chẳng nên phát ra tiếng xưng hô. Chữ của Chân Ngôn khiến cho mỗi mỗi rõ ràng minh bạch, lặng lẽ niệm tụng, lìa các tán loạn, một lòng chuyên quán Bản Tôn, đừng duyên theo cảnh khác. Số thường ấn định, hoặc một trăm, hoặc một ngàn

Niệm tụng xong rồi, nâng tràng hạt đội trên đỉnh đầu, chí thành phát Nguyện rồi đặt tràng hạt vào chỗ ban đầu (Bản xứ).

\_ Người tu Du Già vì cầu Vô Thượng Bồ Đề, nên phát niềm tin rất trong sạch, niệm niệm tinh thành. Đối với các Hữu tình khởi sâu Tâm xót thương, bứt nhổ cứu giúp. Nơi hy vọng thành tựu **Tất Địa Hạnh Nguyện** của mình, dùng Tâm quyết định, chí chẳng dời đổi, ngày đêm tinh cần chẳng ngại khó nhọc. Từ lúc ban đầu làm **Tiên Hạnh**, niệm tụng thừa sự cho đến lúc cầu Tất Địa thành tựu, thời chẳng

nên gián đoạn, chẳng được dời đổi chỗ ở, chẳng nên thiếu sót biến số. Ở một Tinh Thất: bốn thời, ba thời...tinh thành niệm tụng. Đối trước tượng Bản Tôn thường bày biện vật cúng dường bên ngoài tùy theo khả năng của mình, chẳng để cho gián đoạn.

Như vậy y theo Giáo tu tập, chẳng bao lâu sẽ được thành tựu rộng lớn.  
Như vậy, Quán Trí Niệm Tụng xong.

\_ Lại kết **Bản Tôn Ấn**, tụng **Căn Bản Đà La Ni** ba biến. Chẳng giải Ấn này, tụng **Liên Hoa Bách Tự Chân Ngôn** một biến rồi bung Ấn trên đỉnh đầu.

Chân Ngôn là:

“**Ấn, bả ná-ma tát đoả-phộc (1) tam ma dã, tam nỗ bá la dã (2) bả ná-ma tát đát-phộc (3) đát-phệ nỗ bả đế sất-xá (4) niết-ly trạc minh bà phộc (5) tố đố số minh bà phộc (6) A nỗ la cật đố minh bà phộc (7) tố báo số minh bà phộc (8) tất phộc tất địa dâm minh bát-la duệ tha (9) tát phộc yết ma tố tả minh (10) tức đa thất-ly được củ lỗ (11) hồng, hạ hạ hạ hạ, hộc, bà nga noan (12) tát phộc đát tha nghiệt đa (13) bả ná-ma, ma minh môn tả (14) bả ná-nhĩ bà phộc (15) ma hạ tam ma dã tát đát-phộc, ác (16)**“

ॐ पद्मसत्त्व समयमनुपालया पद्मसत्त्व वृक्षपत्रेषु वृक्ष मन्त्रे सुव  
 ॐ मन्त्रे सुपद्म मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे  
 सुव मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे  
 सुव पद्म मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे मन्त्रे

\*) OM – PADMASATVA SAMAYAM ANUPALÀYA PADMASATVA TVENA UPATIṢṬA DRDHO ME BHAVA – SUTOṢYO ME BHAVA – ANURAKTO ME BHAVA – SUPOṢYO ME BHAVA \_ SARVA SIDDHIM ME PRAYACCHA – SARVA KARMASU CA ME CITTAM ‘SRÌYAM KURU HUME – HA HA HA HA HOH – BHAGAVAM SARVA TATHÀGATA PADMA MÀ ME MUÑCA – PADMÌ BHAVA – MAHÀ SAMAYA-SATVA – ÀH

Do tụng Bách Tự Chân ngôn gia trì cho nên hay khiến cho **Tam Ma Địa của Bản Tôn** trụ bền chắc trong thân. Giả sử đã từng phạm năm tội Vô Gian, chê bai Kinh Đại Thừa Phương Quảng thì tất cả tội cấu thảy đều tiêu diệt. Đời này được viên mãn **Tất Địa Thủ Thắng** đã mong cầu.

\_ Lại kết 8 Cúng Dường Ấn, đều tụng Chân Ngôn một biến.

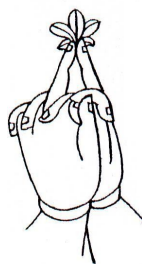
Lại kết 10 Ba La Mật Bồ Tát Ấn với bốn Đại Bồ Tát Ấn của nhóm Bạch Y Quán Tự Tại, đều tụng Bản Chân Ngôn một biến.

Liên hiến Át Già, tùy tiện khải cáo hết thảy sự mong cầu hy vọng trong tâm.

Liên kết Tam Thế Thắng Bồ Tát Ấn, chuyển theo bên trái để giải Giới.

Liên đối trước Thánh chúng tỏ bày Sám Hối, Tùy Hỷ, Khuyển Thỉnh, Hồi Hưởng, phát Nguyện.

\_ Tiếp kết Ấn **Phụng Tống Thánh Chúng**. Như Kim Cương Phộc Ấn lúc trước, dựng thẳng Nhãn Nguyên (2 ngón giữa) cùng trụ nhau như cánh sen, liền thành. Dùng một loại hoa mùa (Thời hoa) để vịn ở đầu Ấn. Tụng Phụng Tống Chân Ngôn một biến rồi bung tán Ấn trên đỉnh đầu.



Chân Ngôn là:

“**Ấn, Cật-ly cấu, phộc (1) tát phộc tát đát-phộc la-tha (2) tát địa nại đá (3) duệ tha, nỗ nga (4) nghiệt nại đà-noan, mẫu đà vĩ sái diêm (5) bỏ năng la nga (6) ma năng dã đồ (7) Ấn, phộc nhật-la, bả ná-ma, mục (8)**”

ॐ कृत्वः सर्वसर्वथ (सर्वे कृत्वः सर्वसर्वथ) वृत्तव्यं पुनर्या मयदुःखं वृत्तव्यं मुः

\*) OM - KRTO VAḤ - SARVA SATVA ARTHA SIDDHIRDATTA YATHA ANUGÀGACCHATHAM BUDDHA VIṢAYAM PUNARÀYA MANÀYATU - OM VAJRA-PADMA MUḤ

Lại dùng Ấn Phụng Tống này gia trì: trái tim, vàng trán, cổ họng, đỉnh đầu.

\_ Liền kết Quán Đỉnh Ấn, như **Hệ Man** (cột buộc vòng hoa), **Bì Giáp** (mặc áo giáp), **Kim Cương Phách Chưởng** (vỗ tay) lúc trước, đều tụng Bản Chân Ngôn một biến. Sau đó lễ Phật rồi tùy ý ra khỏi Đạo Trường.

Thường khiến cho Thân Tâm hòa duyệt, trụ **Bản Tôn Du Già Quán**, chẳng nên tán loạn, thường vui tu các Thiện Phẩm. Mỗi lần dùng bùa Thơm ấn tạo Tháp, trợ cho Bản Tôn Du Già. Ở nơi niệm tụng, cần phải xoa lau và tắm rửa tượng Phật. Đi vòng quanh tháp Suất Đồ Ba có Xá Lợi. Thâm nhập **sáu niệm Tam Ma Địa** với **ba Môn giải thoát**.

Như vậy mọi Thiện đã sinh nhóm Phước thuộc Hữu Vi và Vô Vi...đều hồi hướng cho tất cả Hữu Tình. Tất Địa Thù Thắng mà Ta đã hy vọng, Nguyên cho tất cả Hữu tình không có các chương ngại đều được thành tựu này.

**KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ THIÊN THỦ THIÊN NHÃN  
QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP (Hết)**

Nay Ta lại nói bốn loại Pháp Thành Tựu là: Pháp **Phiến Để Ca** (‘Sàntika – Tức Tai, màu trắng), Pháp **Báo Sắt Trí Ca** (Puṣṭika – Tăng Ích, màu vàng), Pháp **Phộc Thí Yết La Noa** (Va’sikaraṇa – Kính Ái, màu đỏ), Pháp **A Tỳ Già Lỗ Ca** (Abhicàruka – Giáng Phục, màu đen).

\_ Nếu muốn làm Pháp **Tức Tai** ('Sàntika). Ngồi hướng mặt về phương Bắc, mặt tượng hướng về phương Nam. Ở trước Bản Tôn xoa tô Đàn Tròn. Quán Bản Tôn: tác màu trắng. Hiến dâng: hoa, quả, thức ăn uống với quần áo của Thân mình đều là màu trắng. Hương bôi xoa dùng Bạch Đàn, hương đốt dùng Trầm Thủy, đốt đèn dầu, dùng **Tâm Từ** (Maitri-citta) tương ứng.

Từ ngày mồng một trong tháng, vào lúc đầu đêm thì bắt đầu công phu cho đến ngày mồng 8 trong tháng thì mãn một kỳ. Mỗi ngày: ba thời tắm gội, ba thời thay áo. Đến ngày mãn hạn, hoặc nhịn ăn hoặc ăn ba loại thức ăn màu trắng (Tam Bạch thực). Như vậy y theo Pháp niệm tụng, liền hay trừ diệt tai nạn, nghiệp chướng, tội nặng.

Hoặc lúc Ngũ Tinh (5 vì sao) lẩn bức **Bản Mệnh Tú** thời đều chiêu cảm mọi loại tai họa, khẩu thiệt, đấu tranh, vua quan bức bách, nước nhà chẳng hòa, bệnh tật, đói kém, Quỷ My, chẳng lành ... thấy đều trừ diệt hết, đắc được Cát Tường, Thân tâm an vui, sự mong cầu như ý, tu Hạnh nguyện thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian đều thành tựu không ngăn ngại.

\_ Nếu làm Pháp **Tăng Ích** (Puṣṭika). Ngồi hướng mặt về phương Đông, mặt tượng hướng về phương Tây. Trước tượng Bản Tôn làm cái Đàn hình vuông. Quán Bản Tôn: tác màu vàng. Hiến dâng: hoa, quả, thức ăn với quần áo của Thân mình đều là màu vàng. Hương bôi xoa dùng Bạch Đàn thêm chút Uất Kim (Nghê). thiêu đốt hương Bạch Đàn, dùng dầu mè đốt đèn, dùng Tâm Hỷ Duyệt (vui thích) tương ứng.

Từ ngày mồng chín trong tháng, lúc mặt trời mọc thì bắt đầu công phu cho đến ngày 15 thì mãn một kỳ. Dựa theo lúc trước, ba thời tắm gội, ba thời thay áo. Đến ngày mãn hạn thời y theo trước nhịn ăn và ăn Tam Bạch Thực. Như vậy niệm tụng hay đời đổi quan vinh, tăng thọ mệnh, cầu Phước Đức, thông tuệ, nổi tiếng. Hoặc cầu phục tàng (kho tàng bị chôn dấu), tiền của giàu có, quyến thuộc, voi ngựa, ngũ cốc thành thực, chức sĩ vua quan, được thế được lực ... hết thấy việc mong cầu thù thắng đều được tăng ích.

\_ Nếu làm Pháp **Kính Ái** (Va'sikaraṇa). Ngồi hướng mặt về phương Tây, mặt tượng hướng về phương Đông. Trước Bản Tôn xoa tô cái Đàn hình hoa sen. Quán Bản Tôn tác màu đỏ, thân mặc áo lụa đào. Hiến cúng: hoa, quả, thức ăn uống ... hết thấy đều màu đỏ. Hương bôi xoa dùng Uất Kim. Hương đốt dùng Đinh hương, Tô Hợp hương hòa với Mật rồi thêu đốt. Thắp đèn bằng dầu lấy từ các quả trái, dùng Tâm Hỷ Nộ tương ứng.

Từ ngày 16, cuối đêm bắt đầu công phu cho đến ngày 23 thì mãn kỳ. Đến ngày mãn kỳ thời tắm gội, nhịn ăn, phép dựa theo lúc trước. Như vậy niệm tụng được tất cả mọi người kính yêu.

Nếu nhà không hòa, nước không hòa, oán địch tìm phương tiện quấy phá. Muốn cầu cho kẻ này người kia tương kính hoà thuận và khiến cho quyến thuộc bạn bè gần gũi đậm đà ân nghĩa, thừa sự quan trường, được nhan sắc tốt đẹp, người thân ân ái, thời y theo Pháp này cầu đều được hoà thuận.

Lại muốn cầu **Thuyết Pháp Biện Tài**, ngôn âm uy nghiêm khiến người nghe ưa thích, Thánh Hiền gia hộ, tám Bộ Trời Rồng ... tất cả vui vẻ, nên y theo Pháp này tinh thành niệm tụng thì sự mong cầu mau được mãn nguyện.

\_ Nếu làm Pháp **Giáng Phục** (Abhicàruka). Ngồi hướng mặt về phương Nam, mặt Tượng hướng về phương Bắc. Trước tượng Bản Tôn xoa tô cái Đàn hình tam giác. Quán Bản Tôn màu xanh hoặc màu đen, thân mặc áo xanh đen. Cúng hiến hoa màu xanh, hoa có mùi hôi thối, hoa không có mùi thơm với hoa Mạn Đà La. Thức ăn uống dùng nước cốt của Thạch Lựu nhuộm màu đen hoặc nhuộm màu xanh. Hương bôi xoa dùng cây Bách. Ất Già dùng nước tiểu của Bò, dùng hoa màu đen với hạt cải, hương xoa bôi bằng cây Bách ... đều lấy chút ít bỏ trong Ất Già. Đốt An Tất Hương, thắp đèn bằng dầu hạt cải, dùng **Tâm Phần Nộ** (Krodha-citta) tương ứng. Tụng **Mã Đầu Minh Vương Chân Ngôn** hoặc **Liên Hoa Bộ Sứ Giả Nhất Kế Tôn Chân Ngôn**.

Từ ngày 24, vào giờ Ngọ hoặc lúc nửa đêm thì bắt đầu công phu, cho đến ngày cuối cùng của tháng là mãn một kỳ. Pháp tắm gội, nhịn ăn như lúc trước.

Như vậy niệm tụng hay điều phục: Quỷ Thần độc ác với các loài Rồng độc ác khiến cho đất nước bị khô cạn, hoặc mưa gió, sương mù, mưa đá gây thương hại lúa thóc, bệnh dịch lưu hành ... cũng điều phục: người ác ở trong nước chẳng trung thành giết hại vô lượng Hữu Tình, phá diệt Phật Giáo, phỉ báng Chính Pháp, **Nhất Xiển Đề** (Icchantika), người ác Tà Kiến với các Ngoại Đạo cắt đứt căn lành, xâm hại người truyền dạy Chính Pháp, phản bội: Sư Tăng, cha mẹ, chẳng nhớ ân đức, gây nạn cho người và các thú ác, trùng, sói, sư tử, người ác oán địch muốn gây tổn hại.

Nhóm loại như vậy, lúc làm Pháp này thời loài khởi Tâm ác của nhóm ấy, như có động chạm đến thì Thân Tâm chẳng yên, hoặc bị bệnh, hoặc đến chẳng cứu giúp. Liên khuyên kẻ ấy khiến phát Tâm lành. Nếu hay hối lỗi, tự trách mình thì cắt đứt hẳn Tâm ác đó. Liên vì người ấy, làm Pháp Tức Tai, niệm tụng thời nhóm kia liền khỏi phải bị tai nạn khổ.

\_ Nếu cầu **Tất Địa Thượng Thượng** của Xuất Thế Gian sẽ mau viên mãn hai loại **Tư lương** (Sambhàra): **Phước Đức** (Punya), **Trí Tuệ** (Prajña) và mãn túc **mười Địa Ba La Mật** (Da'sa-bhùmi-pàramità), vượt qua ba vô số kiếp khó hành khó tiến, lại duyên **diệt trừ các chướng bên trong bên ngoài**.

Người tu hành quyết định: một duyên theo **Bản Tôn Tam Ma Địa**, **ba Mật Tương Ứng**, Tâm không có gián đoạn, nương vào sức nguyện Đại Bi của chư Phật Bồ Tát trợ giúp. Dùng ba Mật thành tựu duyên này, tương ứng bốn Ấn.

Người Du Già chẳng nên vì lao nhọc mà tiết giảm hạn kỳ khiến cho Tâm Thân tán loạn, đối với Định chẳng tiến. Trong bốn uy nghi: *đi, đứng, ngồi, nằm* khiến cho Thân Tâm vui thích. Niệm niệm cùng tương ứng với **Du Già Thẳng Nghĩa**. Ở Pháp Giới Thanh Tịnh thường tác Quán Hạnh: Không có thời, không có phương, không có ngày, không có đêm, một đường lối thanh tịnh giống như Hư Không. Đối với sự *thấy, nghe, hiểu, biết* chỉ quán **Chân Như** (Bhùta-tathatà). Nơi **Danh** (Nàman), nơi **Tướng** (Lakṣaṇa) đều biết chữ A ( 𑖀 ), Vô Duyên Đại Bi, ta người bình đẳng, thường vui lợi lạc vô biên Hữu Tình, mau khiến cho thành tựu **Hạnh Ba La Mật** (Pàramita-caryà), ngang đồng với Quán Tự Tại.

Nếu hay tu như vậy thời hoặc ở sườn núi, hang sâu, hang động trang nghiêm thù thắng, chốn Già Lam thanh tịnh. Ở bốn tháng bốn mùa chuyên tinh niệm tụng, dứt bật nói năng xáo động Thân Tâm, chẳng đấm trước ngủ nghỉ lười biếng. Tùy theo căn tính **Lợi, Độn** của người Du Già mà niềm tin trong sạch, **Thẳng Giải** (Adhimokṣa) có sai biệt. Ở khoảng giữa ấy ắt được **Khinh An Tam Muội** hiện tiền. Liền ở trong Định thấy vô số **Phật Hội** (Paṛṣad-maṇḍala), nghe **Pháp Âm** (Dharma-ghoṣa) màu nhiệm, chứng được địa vị của **mười Địa**, viên mãn các **Ba La Mật**, Thân Tâm *chuyển y* (À'sraya-parivṛtti, hay À'sraya-paràvṛtti), mười sáu đời sau chứng Vô Thượng Bồ Đề.

Người muốn cầu thành tựu thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian. Người ấy đã từng vào **Kim Cương Giới Đại Mạn Trà La** (Vajra-dhātu-mahà-maṇḍala), thọ nhận **Bản Tôn Trì Minh Quán Định**. Theo A Xà Lê nhận đủ **Khế Ấn, Chân Ngôn, Du Già Quán Hạnh**. Y theo Pháp vẽ tượng Bản Tôn, tùy theo sức, lớn nhỏ tùy theo sự yêu thích của mình. Tìm Phước Địa (đất Phước) tốt lành kèm với **Trợ Bạn**, Đệ Tử biết Pháp với thành tựu nhóm vật dụng **Tư Duyên**. Đệ Tử ấy nên hiểu kính với Thầy, khéo thuận theo ý của Thầy, trong sạch tin Pháp thâm sâu, trụ Tâm Bồ Đề, lại có Trợ bạn, đối với một loại Tất Địa cùng chung Tâm thành, chẳng đời đổi.

\_ Cầu vật thành tựu có bốn nhóm loại là:

- 1\_ Bánh xe, móc câu, đao, chày, búa, bồng, tích trượng.
- 2\_ Thư Hoàng, Hùng Hoàng, Ngưu Hoàng với các loại thuốc
- 3\_ Lấy đất hai bên bờ sông làm các hình cầm thú là: voi, ngựa, trâu, gà, nhạn, Khổng Tước (chim công), Kim xí điểu....
- 4\_ Tượng Bản Tôn

**Thành Tựu** (Siddhi) y theo Giáo Pháp của **Tô Tất** (susiddhi – Diệu Thành Tựu) mà tác thành tựu như nhóm: bánh xe với thuốc, vật, hình cầm thú, tượng Bản Tôn... Dài ngắn, phân lượng, hình mạo ... gồm cả Đồng Nữ dệt thành tấm lụa trắng. Y theo trung gian ấy, tùy chọn một thứ mà làm thành tựu, đầy đủ Chân Ngôn, biến số của Tiên Hạnh. Sau đó cùng với Trợ Bạn, Đệ Tử biết Pháp, hạn giờ, hạn

ngày, hạn tháng, hạn năm. Ngày đêm dùng *Đại Tinh Cần* như người nhóm lửa chẳng nên gián đoạn. Cầu ba loại Tướng hiện là: nóng ấm, khói, ánh sáng.

Lúc người Du Già gần thành tựu thời có mọi thứ chướng khởi dậy. Nên làm Hộ Ma để Giáng Phục, Tức Tai. Tùy theo vật thành tựu *Thượng, Trung, Hạ*, hoặc cầm hoặc xoa bôi thân, hoặc cỡi, hoặc cầm giữ nơi tay, bay trên hư không kèm *Trợ Bàn Trì Thức*. Hoặc có người nhìn thấy người thành tựu, hoặc người thành tựu nhìn thấy người kia thì cả hai được bay đi dạo chơi các Thế Giới, cúng dường chư Phật Bồ Tát, đều sống lâu một Đại Kiếp hoặc được *100 Pháp Minh Môn của Sơ Địa* (Pháp Môn Trí Tuệ mà Bồ Tát đã được ở Sơ Hoan Hỷ Địa)

Nếu chỉ y theo Pháp niệm tụng này. Hoặc một thời, hai thời, ba thời, bốn thời ở một Tịnh Thất đối trước tượng Bản Tôn, kết Khế niệm tụng thường chẳng gián đoạn thì đời này được ba nghiệp Thanh Tịnh. Sự mong cầu vinh hoa phú quý ở Thế gian đều được thành tựu, đắc được Tài bảo dư dả, là nơi người ưa nhìn, thông thạo rộng rãi Kinh Luận, nổi tiếng khắp mười phương, chư Phật Bồ Tát ủng hộ gia trì, ngủ yên thức yên, các Ma chẳng thể xâm hại. Lúc lâm chung thời Bản Tôn hiện ở trước mặt đưa về Thế giới Cực Lạc, sinh trong thai hoa sen, *Thượng Phẩm Thượng Sinh*, chứng địa vị của Bồ Tát, thọ nhận **Vô Thượng Bồ Đề Ký**.

KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ  
THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT  
TU HÀNH NGHI QUỸ  
\_QUYỂN HẠ (Hết)\_

Hiệu chỉnh lần thứ hai, xong một Bộ gồm hai quyển vào ngày 10/05/2011

Mật Tạng Bộ 3 - No 1056 (Tr. 82)

THẾ TÔN THÁNH GIẢ  
THIÊN NHÃN THIÊN THỦ THIÊN TÚC THIÊN THIỆT THIÊN TÝ  
QUÁN TỰ TẠI BỒ ĐỀ TÁT ĐỎA ĐẤT PHỘC  
QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Dịch âm Phạn chú: HUYỀN THANH

ॐ नमो रत्न त्रयैय  
NAMO RATNA TRAYÀYA.  
ॐ नमः शंख वज्रके गव्यैय वज्रसत्त्वैय मन्मत्त्वैय मन्मत्त्वैय  
NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA MAHA  
SATVÀYA, MAHA KÀRUNIKÀYA.  
मन्मत्त्वैय मन्मत्त्वैय मन्मत्त्वैय मन्मत्त्वैय मन्मत्त्वैय  
मन्मत्त्वैय

MAHÀ VÌRÀYA - SAHÀSRA AKṢÀYA - SAHÀSRA 'SÌṢÀYA -  
SAHASRA PADÀYA - SAHASRA JIHVÀYA SAHASRA BHUJÀYA.

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय उग्र भृश मरु उग्र मरु नम  
EHI BHAGAVAM ÀRYA AVALOKITE'SVARA - URGÀ ÀTYUGRA  
- MAHÀ UGRA - MAHÀ NÀDA.

किलिकिलिकिलिकिलि मिलिमिलिमिलिमिलि बिलबिलबिलबिल ननु ननु न  
ननु ननु ननु ननु ननु ननु ननु ननु ननु  
KILI KILI KILI KILI - MILI MILI MILI MILI - CILI CILI CILI CILI  
- NAṬU NAṬU NAṬU NAṬU - KRASA KRASA KRASA KRASA - KURU  
KURU KURU KURU.

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
EHYEHI MAHÀ VÌRA - VALAM DADA - VÌRYA DADA .  
सर्व काम मे प्रयाच्छा शिघ्रं वासुदेव नमः कुरु  
SARVA KÀMAM ME PRAYACCHA 'SÌGHRAM VA'SAM ME  
RÀṢṬRA SARÀJAKAM KURU.

मरुषु कुरु मरुषु वासुदेवाय सर्व मरु मरु नमः  
SAHASRA BHUJA - SAHASRA VÌRA - LOKE'SVARA SÀDHAYA -  
SADÀ SIDDHIM ME BHAVA.

वा नम भगवते नमः  
DHARA BHAVA AGRO BHAVA MI.

ॐ नमो भगवते  
OM - NAMO STUTE.

नमो भगवते वासुदेवाय प्रपुष्ट प्रसादं वासुदेव नमः  
BHAGAVAM ÀRYA AVALOKITE'SVARA PRAPUDHYA  
PRASÌDAMAM VARADOMAMA BHAVA HI - SVÀHÀ

10/07/2006



THẾ TÔN THÁNH GIẢ  
THIÊN NHÃN THIÊN THỦ THIÊN TÚC THIÊN TÝ  
QUÁN TỰ TẠI BỒ ĐỀ TÁT ĐOẢ ĐÁT PHỘC  
QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI.

Dịch âm Phạm Chú : HUYỀN THANH

नमो रत्नत्रयै  
NAMO RATNATRAYÀYA  
नमो अर्या अवलोकितेश्वर्यै बोधिसत्त्व्यै महसत्त्व्यै  
NAMO ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA MAHÀ  
SATVÀYA MAHÀ KÀRUNIKÀYA  
महवीर्यै महस्रक्ष्यै महस्रण्यै महस्रपद्यै महस्ररुक्ष्यै मह  
स्ररुक्ष्यै  
MAHÀ VIRÀYA\_ SAHASRÀKṢÀYA\_ SAHASRA 'SÌṢÀYA\_ SAHASRA  
PADÀYA\_ SAHASRA JIHVÀYA\_ SAHASRÀ BHÙJAYA  
एहि भगवान् अर्या अवलोकितेश्वर  
EHI BHAGAVAN\_ ARYA AVALOKITE'SVARA  
उग्र अत्युग्र महउग्र महनद  
UGRA ATYUGRA, MAHÀ UGRA, MAHÀ NÀDA  
किलिकिलिकिलिकिलि  
KILI KILI KILI KILI  
मिलिमिलिमिलि  
MILI MILI MILI  
सिलिसिलिसिलिसिलि  
CILI CILI CILI CILI  
नटु नटु नटु नटु  
NATU NATU NATU NATU  
क्रसक्रसक्रसक्रस  
KRASA KRASA KRASA KRASA  
कुरुकुरुकुरुकुरु  
KURU KURU KURU KURU  
एह्येहि महवीर  
EHYEHI MAHÀ VÌRA  
वलददद वीरु दद  
VALAM DADA, VÌRYAM DADA  
सर्व कामं मे प्रयच्छ  
SARVA KÀMAM ME PRAYACCHA  
भीष्म वन्द्ये म

'SÌGHRAM VA'SAM ME  
 འཇམ་མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་  
 RÀṢṬRA SARÀJAKAM KURU  
 མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་ མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་ ལོ་ཀླུ་ ལོ་ཀླུ་ མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་  
 SAHASRA BHUJÀ, SAHASRA VÌRA, LOKE'SVARA SÀDHAYA  
 མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་ མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་  
 SADÀ SIDDHIM MEBHAVA  
 འཇམ་མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་ མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་ མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་  
 DHARADOBHAVA AGRO BHAVA MI  
 འཇམ་མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་  
 OM NAMO STUTE  
 མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་ མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་ མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་  
 BHAGAVAM ARYA AVALOKITE'SVARA  
 མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་ མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་  
 PRAPUDHYA PRASÌDAMAḤ  
 འཇམ་མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་ མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་  
 VARADO MAMA BHAVA HI  
 མཁའ་ལྷོ་ཀླུ་  
 SVÀHÀ.

20/07/2006

THẾ TÔN THÁNH GIẢ

THIÊN NHÃN THIÊN THỦ THIÊN TÚC THIÊN TÝ  
QUÁN TỰ TẠI BỒ ĐỀ TÁT ĐOẢ ĐÁT PHỘC  
QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI.

Phục hồi và chú thích Phạm Chú: HUYỀN THANH

ॐ नमो रत्नत्रयै

NAMO RATNATRAYÀYA: Quy mệnh Tam Bảo

ॐ महेश्वरकेशवस्य वल्लभस्य महामहेश्वरस्य महेश्वरस्य

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA

MAHÀSATVÀYA MAHÀ KÀRUNIKÀYA : Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

महशीस्य महशक्तस्य महशोषस्य महशुचस्य महशुक्रस्य महशुक्रस्य

MAHÀ VÌRÀYA, SAHASRA AKṢÀYA, SAHASRA 'SIRṢÀYA, SAHASRA PADÀYA, SAHASRA JIHVÀYA, SAHASRA BHUJÀYA: Đấng Đại Dũng Mãnh có ngàn mắt, ngàn đầu, ngàn chân, ngàn lưỡi, ngàn cánh tay

ॐ इति भगवन् प्रवक्ष्यामि

EHI BHAGAVAN ÀRYA AVALOKITE'SVARA: Đức Thánh Quán Tự Tại Thế Tôn như vậy

उग्र सत्य उग्र मह उग्र महेश्वर

UGRA SATYA UGRA MAHÀ UGRA MAHÀ NÀDA: Đấng có uy đức, uy đức chân thật, uy đức to lớn, phát ra năng lực dưới hình thức âm thanh to lớn

किलिकिलिकिलिकिलि

KILI KILI KILI KILI: Găm chặt, găm chặt

मिलिमिलिमिलि

MILI MILI MILI MILI: Ngăn chặn, cản trở

सिलिसिलिसिलिसिलि

CILI CILI CILI CILI: Lập lại lâu dài

नतु नतु नतु नतु

NAṬU NAṬU NAṬU NAṬU: Hướng dẫn đi dẫu

क्रसक्रसक्रसक्रस

KRASA KRASA KRASA KRASA: Nhu thuận

कुरु कुरु कुरु कुरु

KURU KURU KURU KURU: Tác làm

ॐ ह्येहि महेश्वर

EHYEHI MAHÀ VÌRA: Hãy khéo đến ! Hỡi Đấng Đại Dũng Mãnh

वरं दद

VARAM DADA: Ban bố ước nguyện

वीर्यं दद

VÌRYAM DADA: Ban bố sự tinh tiến

सर्वं कर्म मत्प्रदक

SARVA KÀMAM ME PRAYACCHA: Mau lẹ ban cho tôi tất cả sự mong ước yêu thích

ॐ यं वं मं ॐ

‘SÌRGHAM VA’SAM ME RÀṢṬA : Giáo hóa ước mơ của tôi

मं रं कं ॐ

SARÀJAKAM KURU: Tác làm hành động của vị vua tốt (Thiện Vương)

महसं कुरु महसं वीरं लोकेश्वरं सर्वं महं (सं) मं वं

SAHASRA BHUJA SAHASRA VÌRA LOKE’SVARA SÀDHAYA SADÀ SIDDHIM MEBHAVA: Chứng minh cho tôi thành tựu Nghi Thức của Đấng Thiên Tý Thiên Dũng Thế Tự Tại

वीरं वं मं वं ॐ

DHARADOBHAVA AGROBHAVVA MI: Trì giữ phát sinh cảnh hiện hữu nơi tôi

ॐ नमस्तुते

OM NAMO STUTE: Quy mệnh kính lễ

नमस्तुते लोकेश्वरं

BHAGAVAN ÀRYA AVALOKITE’SVARA: Thánh Quán Tự Tại Thế Tôn

सप्त सप्तं वं मं

PRAPUṆYA PRASÌDAMAM VARADOMAMA: Ban bố cho tôi sự hiểu biết thấu đáo cao thượng của Phước Đức thù thắng

वं ॐ

BHAVA MI: Hiện hữu nơi tôi

ॐ

SVÀHÀ : Quyết định thành tựu

20/07/2006